

BỘ Y TẾ
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN
LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM



Doanh nghiệp cổ phần hóa:

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM

Địa chỉ: 12 Ngô Tất Tố, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.3844.3151/ 04.3844.3149 Fax: 04.3844.3665



HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tổ chức thực hiện đấu giá:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3941 2626 Fax: 04. 3934 7818



Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 34B Hàn Thuyên, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3944 5474 Fax: 04. 3944 5475

Tháng 05/2016

**THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG CỦA
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM**

Số lượng cổ phần chào bán:	42.557.000 cổ phần, chiếm 17,956% Vốn điều lệ.
Loại cổ phần chào bán:	Cổ phần phổ thông.
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần.
Giá khởi điểm:	10.000 đồng/cổ phần.
Đặt cọc:	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.
Đối tượng tham gia:	Các tổ chức, cá nhân trong nước, đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Dược Việt Nam.
Tổ chức bán đấu giá cổ phần:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Thời gian tổ chức đấu giá:	Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Dược Việt Nam.
Địa điểm tổ chức đấu giá:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, địa chỉ: số 02 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.

MỤC LỤC

PHẦN I: THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	11
I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....	11
1. Giới thiệu về doanh nghiệp	11
2. Ngành nghề kinh doanh.....	13
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	14
4. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty trước cổ phần hóa	15
5. Phương án sử dụng lao động	18
6. Tài sản chủ yếu của Tổng công ty	18
7. Danh sách công ty mẹ, công ty con, và công ty liên kết của Tổng công ty	30
8. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013 – 2015	31
9. Vị thế của Tổng công ty trong ngành Dược	40
II. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	46
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	52
I. DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	52
1. Thông tin công ty cổ phần.....	52
2. Hình thức pháp lý	52
3. Quyền hạn và nghĩa vụ của công ty cổ phần.....	52
4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa	53
5. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty sau cổ phần hóa	53
6. Chiến lược phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2015 - 2020.....	56
7. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	64
8. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán	66
II. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN	66
1. Rủi ro về kinh tế	66
2. Rủi ro về luật pháp	68
3. Rủi ro đặc thù	68
4. Rủi ro của đợt chào bán.....	69
5. Rủi ro khác	69
III. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	69
1. Phương thức bán.....	69

2.	Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán	74
3.	Phương án xử lý số lượng cổ phần không bán hết	74
4.	Trường hợp cuộc đấu giá cổ phần không thành công	74
IV.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA	74
1.	Chi phí cổ phần hóa.....	74
2.	Số tiền thu được từ bán phần vốn Nhà nước	75
	PHẦN III: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	76
1.	Ban chỉ đạo cổ phần hóa.....	76
2.	Tổng công ty Dược Việt Nam.....	76
3.	Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia	76
	PHẦN IV: KẾT LUẬN.....	78

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Tình hình lao động của Tổng công ty Dược Việt Nam.....	18
Bảng 2: Bảng kiểm kê đất và tình hình sử dụng đất	19
Bảng 3: Bảng tổng hợp Tài sản cố định của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam theo biên bản Xác định Giá trị Doanh nghiệp.....	25
Bảng 4: Tình hình tăng giảm TSCĐ của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam tại ngày 31/12/2015 so với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2013	26
Bảng 5: Chi tiết phương tiện vận tải của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam theo Biên bản xác định giá trị Doanh nghiệp.....	27
Bảng 6: Chi tiết thiết bị dụng cụ quản lý của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam theo Biên bản Xác định Giá trị Doanh nghiệp.....	28
Bảng 7: Danh sách và giá trị đầu tư của Tổng công ty vào các công ty con (31/12/2015)	30
Bảng 8: Danh sách và giá trị đầu tư của Tổng Công ty vào các công ty liên kết (31/12/2015).....	30
Bảng 9: Danh sách các Công ty đầu tư dài hạn khác (31/12/2015).....	31
Bảng 10: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015 (đã bao gồm Trung tâm DVTM Dược mỹ phẩm).....	31
Bảng 11: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015.....	32
Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015 (đã bao gồm Trung tâm DVTM Dược mỹ phẩm).....	32
Bảng 13: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015	33
Bảng 14: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 - 2015 (đã bao gồm Trung tâm DVTM Dược mỹ phẩm).....	33
Bảng 15: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh hợp nhất Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015	34
Bảng 16: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015 (đã bao gồm Trung tâm DVTM Dược mỹ phẩm).....	37
Bảng 17: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015	38
Bảng 18: Tổng hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.....	48
Bảng 19 : Kế hoạch đầu tư các dự án sau cổ phần hóa giai đoạn 2016-2026	60
Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính đến năm 2020	60
Bảng 21: Cơ cấu vốn điều lệ của Tổng công ty sau cổ phần hóa	65

Bảng 22: Tổng dự toán chi phí cổ phần hóa	75
Bảng 23: Dự kiến số tiền thu được từ bán phần vốn Nhà nước.....	75

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty trước cổ phần hóa 15
Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty sau cổ phần hóa 54

THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CTCP : Công ty cổ phần
- Tổng công ty/Vinapharm : Tổng công ty Dược Việt Nam
- BA/BE : Nghiên cứu sinh khả dụng/Nghiên cứu tương đương sinh học
- DTT : Doanh thu thuần
- GACP : Thực hành tốt trồng trọt và thu hái
- GDP : Thực hành tốt phân phối thuốc
- GLP : Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc
- GSP : Thực hành tốt bảo quản thuốc
- KHCN : Khoa học Công nghệ
- ISO : International Organization for Standardization – Cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các đại diện từ các tổ chức tiêu chuẩn các quốc gia
- MTV : Một thành viên
- NHNN : Ngân hàng Nhà nước
- NSI : Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ : Tài sản cố định
- UBND : Ủy ban nhân dân
- VDL : Vốn điều lệ

CƠ SỞ PHÁP LÝ

Các cơ sở pháp lý của đợt bán đầu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Dược Việt Nam:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần thay thế Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 20/12/2011 của Bộ Tài chính;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Công văn số 817/QĐ-BLĐTBXH ngày 28/05/2013 về việc đính chính thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH;
- Thông tư 34/2013/TT-BCT của Bộ Công thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
- Quyết định 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước;

- Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;
- Công văn số 752/TTg-ĐMDN ngày 04/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Y tế giai đoạn 2011 – 2015;
- Công văn số 2052/TTg-ĐMDN ngày 20/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc cổ phần hóa DNNN thuộc Bộ Y tế;
- Quyết định số 4484/QĐ-BYT ngày 30/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng công ty Dược Việt Nam;
- Quyết định số 5042/QĐ-BYT ngày 05/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng công ty Dược Việt Nam;
- Quyết định số 3717/QĐ-BYT ngày 04/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng công ty Dược Việt Nam Công ty TNHH một thành viên;
- Quyết định số 2088/QĐ-Ttg ngày 26/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam;
- Quyết định số 189/QĐ-BYT ngày 20/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phương thức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam.
- Công văn số 1403 /VPCP-ĐMDN V/v gia hạn thời gian bán cổ phần lần đầu đối với TCT Dược Việt Nam ngày 04/3/2016.
- Quyết định số 1677/QĐ-BYT ngày 06/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt danh sách nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần lần đầu của Tổng công ty Dược Việt Nam Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

PHẦN I: THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về doanh nghiệp

1.1. Thông tin chung

- Tên tiếng việt: TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM
- Tên viết tắt: VINAPHARM
- Trụ sở: 12 Ngô Tất Tố, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 04.3844.3151/ 04.3844.3149
- Fax: 04.3844.3665
- Email: vinapharm@vinapharm.com.vn
- Vốn điều lệ hiện tại: 1.338.544.248.430 đồng
- Website: vinapharm.com.vn
- Logo:



1.2. Cơ sở pháp lý của việc thành lập

Tổng công ty Dược Việt Nam là một doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con căn cứ Quyết định số 2335/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ngày 30/6/2010 về việc chuyển Tổng công ty Dược Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Giai đoạn 1971-1982:

Tên gọi: Tổng công ty Dược

Tháng 4 năm 1971, Tổng công ty Dược được thành lập trên cơ sở sát nhập 3 cục trực thuộc Bộ y tế là Cục phân phối dược phẩm, Cục dược liệu, Cục sản xuất theo Quyết định số 169/BYT-QĐ ngày 01/4/1971 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Tổng công ty Dược.

Trong thời kỳ này, Tổng công ty Dược là cơ quan quản lý sản xuất kinh doanh đặt trực tiếp dưới sự lãnh đạo của Bộ Y tế, hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế tổng hợp, có trách nhiệm trực tiếp tổ chức, quản lý chỉ đạo toàn diện việc sản xuất, nhập nội, phân phối, thu mua, nuôi trồng dược liệu, dược phẩm, y dụng cụ đối với các Xí nghiệp, Công ty trực thuộc Tổng công ty. Đồng thời, Tổng công ty còn được uỷ quyền giúp Bộ Y tế quản lý và chỉ đạo thực hiện các mặt công tác nói trên tại địa phương theo sự phân cấp của Bộ.

Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty Dược thời kỳ này bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng giúp việc. Các đơn vị thành viên là toàn bộ các Xí nghiệp, Công ty Dược trên toàn quốc.

Giai đoạn 1982-1996:

Tên gọi: Liên hiệp các Xí nghiệp Dược Việt Nam

Căn cứ Nghị định số: 79-HĐBT “Về việc thành lập Liên hiệp các Xí nghiệp Dược Việt Nam trực thuộc Bộ Y tế” ngày 04/5/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), Tổng công ty Dược được tổ chức lại thành Liên hiệp các Xí nghiệp Dược Việt Nam, hoạt động theo Điều lệ Liên hiệp các xí nghiệp quốc doanh. Nhiệm vụ, quyền hạn chính của Liên hiệp các Xí nghiệp Dược Việt Nam là: Xây dựng và chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện quy hoạch, kế hoạch của ngành; Tổ chức phân công và hợp tác sản xuất giữa các xí nghiệp quốc doanh ở Trung ương và địa phương, Xí nghiệp Công tư hợp doanh, các Hợp tác xã sản xuất thuộc ngành Dược; Chịu trách nhiệm trước Nhà nước và Bộ Y tế về kết quả sản xuất, kinh doanh của Liên hiệp...

Cơ cấu tổ chức của Liên Hiệp các Xí Nghiệp Dược Việt Nam thời kỳ này bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng giúp việc. Các đơn vị thành viên là toàn bộ các Xí nghiệp, Công ty Dược trên toàn quốc.

Giai đoạn 1996 – 2010:

Tên gọi: Tổng công ty Dược Việt Nam

Thực hiện chủ trương sắp xếp doanh nghiệp Nhà nước của Thủ tướng Chính phủ, ngày 30/3/1995 Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 467b/BYT-QĐ về việc thành lập Tổng công ty Dược Việt Nam trên cơ sở Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước và Điều lệ của Tổng công ty. Bộ Y tế quản lý vốn của chủ sở hữu và Hội đồng quản trị Tổng công ty Dược Việt Nam là người đại diện.

Tổng công ty Dược Việt Nam đăng ký hoạt động kinh doanh các ngành nghề: Nghiên cứu, sản xuất lưu thông, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, hóa chất, dụng cụ y tế và mỹ phẩm; Kinh doanh, quản lý, cho thuê văn phòng làm việc, cửa hàng, kho bãi, nhà xưởng.

Cơ cấu tổ chức của thời kỳ này gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng giúp việc. Các đơn vị thành viên là các Xí nghiệp, Công ty Dược Trung ương.

Giai đoạn 2010 đến nay:

Tên gọi: Tổng công ty Dược Việt Nam

Thực hiện Nghị định 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty Nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, ngày 30/6/2010, Bộ trưởng Bộ Y tế đã có Quyết định số 2335/QĐ-BYT về việc chuyển Tổng công ty Dược Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con.

Tổng công ty Dược Việt Nam có các chức năng, nhiệm vụ cơ bản sau:

- Đầu tư tài chính.
- Trực tiếp sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện những nhiệm vụ mà Nhà nước trực tiếp giao cho Tổng công ty: Phát triển công nghiệp dược, hệ thống phân phối thuốc; Xuất nhập khẩu; quan hệ quốc tế; Đầu

mỗi công tác thi đua khen thưởng, đầu mỗi thực hiện các chương trình công tác xã hội ...

Cơ cấu tổ chức của Công ty mẹ giai đoạn này gồm: Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng giúp việc.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/1/2011, thay đổi lần thứ 4 ngày 03/8/2015, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - <i>Doanh nghiệp bán buôn thuốc</i> - <i>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người)</i>	4649
2	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu Chi tiết: <i>Doanh nghiệp sản xuất thuốc</i>	2100
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - <i>Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc;</i> - <i>Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc;</i> - <i>Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh</i> - <i>Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng.</i>	8299
4	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: <i>Dịch vụ chuyển giao công nghệ</i>	7490
5	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: <i>Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người</i>	1079
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: <i>Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm)</i>	4669
7	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại có sức khỏe con người)	2023
8	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: <i>Các loại hình cơ sở bán lẻ thuốc</i>	4772
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết:	6810

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	<i>Kinh doanh bất động sản</i>	
10	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
11	In ấn	1811
12	Dịch vụ liên quan đến in	1812
13	Giáo dục nghề nghiệp	8532
14	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: <i>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô</i>	4932
15	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: <i>Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô</i>	4933
16	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: <i>Kinh doanh thực phẩm chức năng</i>	4632
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: <i>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế</i>	4659
18	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
19	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250

(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Các lĩnh vực hoạt động chính của Tổng công ty trước cổ phần hóa bao gồm: i) Kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế; ii) Nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ dược.

3.1. Kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế

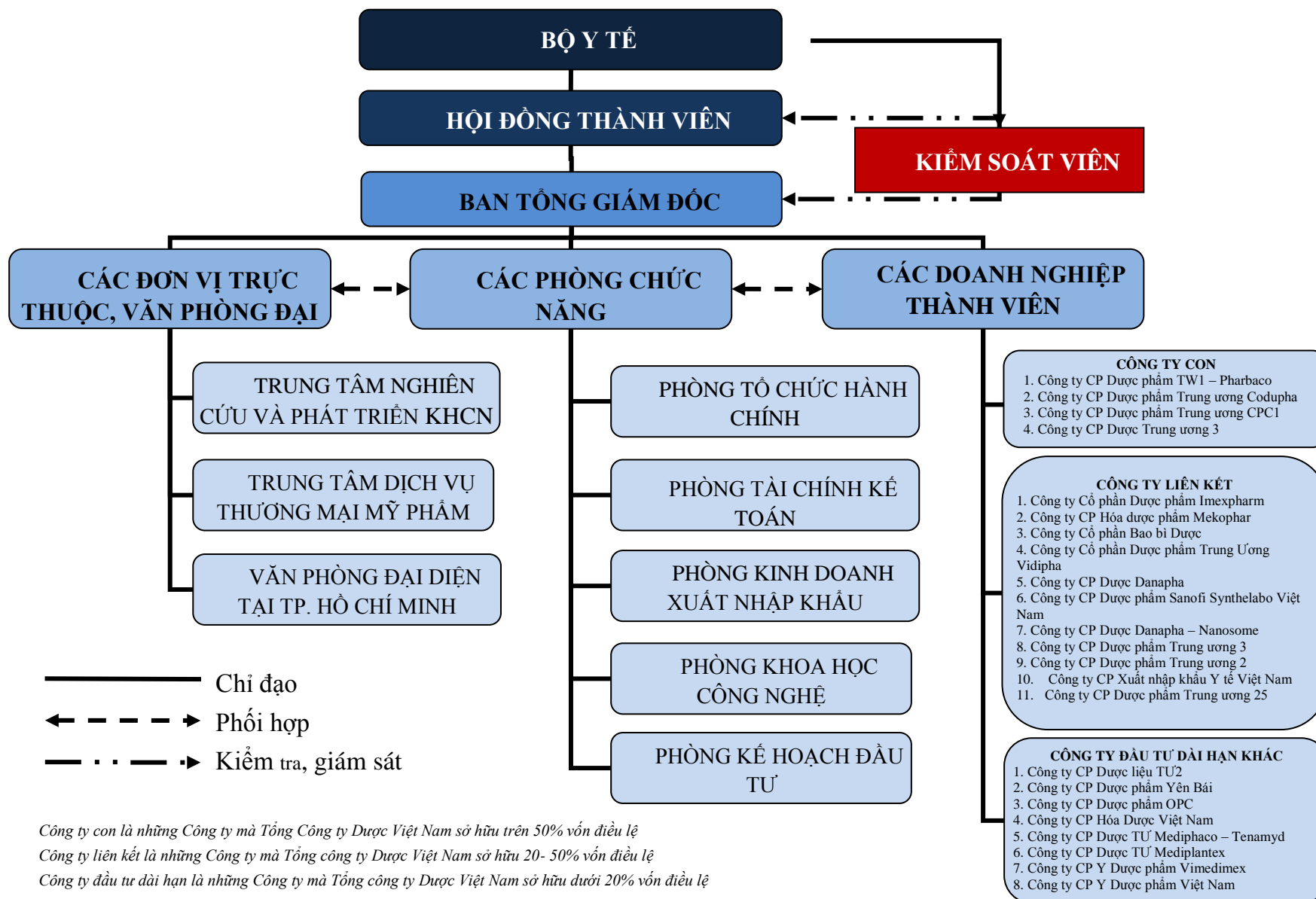
Hoạt động kinh doanh trực tiếp của Tổng công ty chủ yếu là nhập khẩu và phân phối dược phẩm, thực phẩm chức năng và thiết bị y tế. Từ năm 2013, Tổng công ty bắt đầu đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh trực tiếp.

3.2. Nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ dược

Trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ dược trực thuộc Tổng công ty đã được đầu tư xong giai đoạn 1. Trung tâm đã được cấp giấy phép và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 11/2014. Hiện nay, Trung tâm đang triển khai thực hiện các hợp đồng hợp tác Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ với một số các doanh nghiệp.

4. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty trước cổ phần hóa

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty trước cổ phần hóa



Tổ chức bộ máy

Theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng công ty hiện nay bao gồm: Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc, các phòng chức năng, Văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc.

Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên của Tổng công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên và các thành viên Hội đồng thành viên do Bộ trưởng Bộ Y tế bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Hội đồng thành viên là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty và là đại diện chủ sở hữu đối với các công ty do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ và phần vốn góp do Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu Tổng công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu Tổng công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Kiểm soát viên

Kiểm soát viên tại Tổng công ty do Bộ trưởng Bộ Y tế bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Kiểm soát viên có nhiệm vụ: Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc tổ chức thực hiện các quyền của chủ sở hữu và trong việc quản lý điều hành công việc kinh doanh của Tổng công ty; Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo công tác khác trước khi trình chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu báo cáo thẩm định và một số nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty Dược Việt Nam bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.

Tổng Giám đốc do Bộ trưởng Bộ Y tế bổ nhiệm, miễn nhiệm. Các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

Các phòng chức năng

Phòng Tổ chức Hành chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc thực hiện việc quản lý, điều hành Tổng công ty về các lĩnh vực: Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, kỷ luật của Tổng công

ty; Thực hiện các mặt công tác về hành chính, quản trị, bảo vệ và công việc hậu cần của Tổng công ty; Thư ký, tổng hợp các hoạt động điều hành Tổng công ty của Tổng Giám đốc.

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc thực hiện chức năng quản lý, điều hành Tổng công ty về lĩnh vực tài chính, kế toán, kinh tế, thống kê và giá cả.

Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu có chức năng tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu dài hạn, ngắn hạn; tổ chức thực hiện chiến lược đã được Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc phê duyệt và hợp tác quốc tế liên quan đến kinh doanh xuất nhập khẩu.

Phòng Khoa học Công nghệ có chức năng tham mưu và giúp Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc thực hiện chức năng quản lý, điều hành Tổng công ty về các lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học kỹ thuật công nghệ, thiết bị dược, phương án sản phẩm, quản lý chất lượng, thông tin kinh tế - khoa học kỹ thuật và an toàn- bảo hộ lao động; Tư vấn và chuyên gia công nghệ dược; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng; thử tương đương sinh học và sinh khả dụng của thuốc.

Phòng Kế hoạch Đầu tư có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc thực hiện việc quản lý, điều hành Tổng công ty về các lĩnh vực: Công tác kế hoạch: bao gồm kế hoạch Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam, kế hoạch các đơn vị thành viên; Đầu tư tài chính (ngành nghề chính là kinh doanh, dược phẩm, trang thiết bị y tế, thực phẩm chức năng); Kinh doanh, quản lý, cho thuê văn phòng làm việc, cửa hàng, kho bãi, nhà xưởng.

Đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển KHCN Dược có chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Dịch vụ khoa học và công nghệ; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc (trong đó có đánh giá tương đương sinh học và sinh khả dụng của thuốc), thực phẩm, mỹ phẩm; dịch vụ thử thuốc trên lâm sàng

Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm có chức năng kinh doanh, xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ và giới thiệu các sản phẩm thuốc chữa bệnh, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, phụ liệu, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm, kính thuốc, thực phẩm chức năng; tổ chức quầy kê đơn, bốc thuốc đông y theo quy chế của Bộ Y tế. Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm là đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập của Tổng Công ty Dược Việt Nam.

Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan đại diện Tổng công ty Dược Việt Nam tại phía Nam. Giúp Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc trong việc theo dõi hoạt động của các doanh nghiệp thành viên tại phía Nam.

Các doanh nghiệp thành viên: Trước cổ phần hóa, Tổng công ty có 04 công ty con và 11 công ty liên kết.

5. Phương án sử dụng lao động

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, ngày 04/9/2015, tổng số lao động có tên trong danh sách bảng lương của Tổng công ty Dược Việt Nam là 101 người. Toàn bộ số lao động trên sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần.

Bảng 1: Tình hình lao động của Tổng công ty Dược Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Số lao động (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo giới tính		
1	Nam	40	39,6%
2	Nữ	61	60,4%
II	Phân loại theo hợp đồng lao động		
1	Lao động quản lý do Nhà nước bổ nhiệm	4	3,96%
2	Lao động ký hợp đồng lao động	97	96,04%
2.1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	45	44,55%
2.2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn	51	50,5%
2.3	Hợp đồng lao động theo mùa vụ	1	0,99%
III	Phân loại theo trình độ		
1	Trình độ đại học và trên đại học	66	65,35%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	24	23,76%
3	Trình độ công nhân kỹ thuật	3	2,97%
4	Trình độ khác	8	7,92%

Nguồn: Tổng công ty Dược Việt Nam

6. Tài sản chủ yếu của Tổng công ty

6.1. Tình hình đất đai Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam đang quản lý và sử dụng

Theo quy định tại **Khoản 3 Điều 31 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011** về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần có nêu rõ “Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa chọn hình thức thuê đất thì phải thực hiện ký hợp đồng thuê đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai và không phải tính bổ sung giá trị lợi thế vị trí địa lý khi xác định giá trị doanh nghiệp. Đối với diện tích đất thuê theo phương thức trả tiền thuê đất hàng năm thì doanh nghiệp thực hiện trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành và không tính tiền thuê đất vào giá trị doanh nghiệp”. Do vậy tổ chức thẩm định giá không tính giá trị quyền sử dụng đất cũng như lợi thế về vị trí địa lý của các lô đất vào giá trị doanh nghiệp. Tổng số diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng: **9.869,2 m²**, trong đó:

- Diện tích đất thuê đang sử dụng: **9.869.2 m²** (*Chi tiết thông tin trong bảng bên dưới*);
- Diện tích đất giao: **0 m²**.

Bảng 2: Bảng kiểm kê đất và tình hình sử dụng đất

T T	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức thuê đất	Giấy tờ pháp lý	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
I	Các lô đất tại Thành phố Hà Nội					
1	Số 95 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	3.279,7	<p>Đây là khu đất hỗn hợp, có nhiều chủ sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.</p> <p>Tại địa điểm này có 01 tòa nhà 5 tầng, trong đó Tổng công ty quản lý và sử dụng tầng 1 và diện tích xung quanh để làm Trung tâm kinh doanh dược phẩm. Từ tầng 2 đến tầng 5 của nhà 5 tầng là các căn hộ, trong đó có 51 căn hộ Tổng công ty đã bàn giao cho Công ty Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội vào tháng 10/2006 và các căn này đã được cấp sổ đỏ, số còn lại (08 căn) do Tổng công ty Dược Việt Nam quản lý.</p> <p>Ngoài ra, tại khu đất này còn có một nhà 2 tầng và nhiều kiot tại mặt bằng khu đất do công ty cổ phần Hóa dược phẩm Hà An 73, quản lý, sử dụng và chưa</p>	<p>Thuê đất trả tiền hàng năm. (Hiện tại Tổng công ty đang làm thủ tục thuê đất và sẽ ký hợp đồng thuê đất sau cổ phần hóa).</p> <p>Do sở hữu hỗn hợp của Tổng công ty, các hộ dân và Công ty cổ phần Hóa dược phẩm Hà An 73 nên vẫn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất - Giấy sử dụng đất số 756/UB.XDCB ngày 08/03/1985 - Trích lục bản đồ số 216 ngày 6.3.1985 - Giấy phép xây dựng số 4086.UB/XDCB ngày 31/08/1988 - Công văn số 4233/UBND-KT ngày 23/6/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc thỏa thuận phương án sử dụng đất của Tổng công ty Dược Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội khi thực hiện cổ phần hóa 	<p>Hiện tại Tổng công ty (là một trong nhiều chủ sở hữu tài sản trên đất) đang xây dựng kế hoạch hợp tác với đối tác (Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Đất Việt và Công ty CP Đầu tư xây dựng thương mại Sông Hồng) xây dựng dự án Trung tâm dược phẩm, văn phòng - căn hộ. Tổng công ty Dược Việt Nam góp vốn bằng thương quyền và tài sản trên đất.</p> <p>Hiện tại, đối tác đang trong quá trình xin chủ trương để triển khai dự án. Vinapharm sẽ được hưởng theo tỷ lệ diện tích sản phẩm khi dự án được hoàn thành. Tỷ lệ cụ thể sẽ được hai bên thống nhất sau khi Dự án được chấp thuận (nếu có).</p> <p>Tuy nhiên do khu đất có nhiều chủ sở hữu và hiện nay chưa thống nhất được các phương án phân chia quyền lợi và nghĩa vụ nên việc xây dựng và triển khai dự án chưa thể khả thi trong ngắn hạn.</p>

T T	Vị trí	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức thuê đất	Giấy tờ pháp lý	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
			thống nhất được phương án di dời kiot.	chưa xác định được trách nhiệm trả tiền thuê đất của các bên.		
2	Số 60B Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	2.670,0	<p>Hợp tác với đối tác xây dựng công trình Tổ hợp dịch vụ, thương mại, văn phòng và nhà ở chung cư.</p> <p>Tổng công ty hợp tác với đối tác (Công ty CP Đầu tư xây dựng Vinaconex – PVC) xây dựng dự án, Tổng công ty Dược Việt Nam góp vốn thương quyền và tài sản trên đất.</p> <p>Một số thông tin chung về dự án:</p> <p>- Tổng diện tích đất: 2.670m²</p> <p>Bao gồm:</p> <p>+ 1.323 m² nằm ngoài chi giới đo: Thuê 50 năm nộp tiền 1 lần</p>	Thuê đất (hiện tại đã nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án)	<p>- Công văn số 5039/UBND-KH&ĐT ngày 17/6/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc chấp thuận đề xuất Dự án xây dựng Tổ hợp Thương mại, văn phòng và nhà ở chung cư PVV-VINAPHARM tại 60B Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, Hà Nội</p> <p>- Công văn số 4590/QHKT-P2 ngày 28/10/2014 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội về việc chấp thuận tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình tại 60B phố Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội</p> <p>- Công văn số 1741/UBND-</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Dự án dự kiến sẽ hoàn thành dự án vào cuối năm 2017. • Phần Vinapharm được hưởng sau khi dự án hoàn thành, bằng sản phẩm như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tầng 01: Toàn bộ diện tích trừ phần cụm cầu thang và phần diện tích sinh hoạt cộng đồng (Tường chung tính tim tường, tường không chung tính phủ bì) + Tầng 02: Diện tích Văn phòng (Tường chung tính tim tường, tường không chung tính phủ bì) và 18% diện tích nhà xe + Tầng 03: Toàn bộ diện tích (Tường chung tính tim tường, tường không chung tính phủ bì) + Tầng 09, tầng 10 và tầng căn hộ khác: Phần diện tích Vinapharm được hưởng còn lại bằng

T T	Vị trí	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức thuê đất	Giấy tờ pháp lý	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
			<p>+ 1.311,3 m2 nằm ngoài chỉ giới đỏ: Thuê đất hàng năm. + 35,7 m2 nằm trong chỉ giới đỏ: Thuê đất hàng năm. - Diện tích xây dựng (tầng 1): 1.167m2 - Số tầng/Tổng sàn xây dựng + Số tầng: 23 (bao gồm cả tầng kỹ thuật,tum thang) và 1 tầng hầm + Tổng diện tích sàn: 24.200 m2 + Chiều cao công trình 73,3m (từ cốt +00 đến đỉnh mái công trình).</p>		<p>QLĐT ngày 31/12/2014 của UBND quận Thanh Xuân về việc chấp thuận đầu tư dự án Tổ hợp dịch vụ, thương mại, văn phòng và nhà ở chung cư - Công văn số 4233/UBND-KT ngày 23/6/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc thỏa thuận phương án sử dụng đất của Tổng công ty Dược Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội khi thực hiện cổ phần hóa</p>	<p>18% diện tích được phân chia, nhân với hệ số quy đổi (hệ số quy đổi tầng 01 là 1,5; hệ số quy đổi tầng 02 là 1,18) trừ đi diện tích tầng 01, 02, và tầng 03. (Tường chung tính tìm tường, tường không chung tính phủ bì) + Tầng hầm: 18% diện tích thông thủy</p> <ul style="list-style-type: none"> Do dự án được bắt đầu thực hiện trong giai đoạn doanh nghiệp 100% vốn nhà nước nên doanh thu và lợi nhuận thu được từ việc hợp tác này (nếu có phát sinh) sẽ được xem xét cộng trừ vào giá trị nhà nước theo các quy định hiện hành.
3	Số 12 Ngô Tất Tố, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Hà Nội (Lô 1)	1.863,7	Hiện tại đang sử dụng làm Trụ sở, văn phòng làm việc của Tổng công ty Dược Việt Nam. (Tháng 4/2015, Tổng công ty Dược Việt Nam nhận bàn giao Khu đất này từ Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình theo Công văn số 26/TTg-KTN ngày 07/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ).	Thuê đất trả tiền hàng năm. (Hiện nay Tổng công ty đang thực hiện các thủ tục để ký hợp đồng thuê đất).	<p>- Công văn số 26/TTG-KTN ngày 07/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc hoán đổi trụ sở làm việc của Bộ Y tế và Tổng công ty Dược Việt Nam - Công văn số 1276/BTC-QLCS ngày 27/01/2015 của Bộ Tài chính về việc hoán đổi trụ sở của Bộ Y tế và Tổng công ty Dược Việt Nam. - Biên bản bàn giao tài sản ngày 09/4/2015 giữa Tổng</p>	<p>Sử dụng làm trụ sở, văn phòng làm việc. Trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ Dược (Dịch vụ nghiên cứu Khoa học, Thử tương đương sinh học, đánh giá sinh khả dụng, dịch vụ kiểm nghiệm, xét nghiệm, phòng khám, cơ sở đào tạo nhân lực Y tế...).</p> <p>Hiện tại chưa ký được hợp đồng thuê đất với sở tài nguyên và môi trường Hà Nội. Sau CP hoá sẽ phải tiếp tục làm thủ tục ký hợp đồng thuê đất.</p>

T T	Vị trí	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức thuê đất	Giấy tờ pháp lý	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
					<p>cục Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình và Tổng công ty Dược Việt Nam.</p> <p>- Công văn số 4233/UBND-KT ngày 23/6/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc thỏa thuận phương án sử dụng đất của Tổng công ty Dược Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội khi thực hiện cổ phần hóa</p>	
4	Số 12 Ngô Tất Tố, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Hà Nội (Lô 2)	128,4	Hiện tại đang sử dụng làm Trụ sở, văn phòng làm việc của Tổng công ty Dược Việt Nam	Thuê đất trả tiền hàng năm. Tháng 7/2015, Tổng công ty Dược Việt Nam nhận bàn giao Khu đất này từ Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình	<p>- Công văn số 4894/BYT-KHTC ngày 09/7/2015 của Bộ Y tế về việc bàn giao bổ sung diện tích tại 12 Ngô Tất Tố.</p> <p>- Biên bản bàn giao bổ sung tài sản ngày 27/7/2015 giữa Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình và Tổng công ty Dược Việt Nam.</p> <p>- Công văn số 4233/UBND-KT ngày 23/6/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc thỏa thuận phương án sử dụng đất của Tổng công ty Dược Việt Nam trên địa</p>	

T T	Vị trí	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức thuê đất	Giấy tờ pháp lý	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
				<p>theo Công văn số 26/TTg-KTN ngày 07/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ, hiện nay Tổng công ty đang thực hiện các thủ tục để ký hợp đồng thuê đất.</p>	<p>bàn thành phố Hà Nội khi thực hiện cổ phần hóa</p> <p>- Biên bản bàn giao bổ sung tài sản ngày 27/7/2015 giữa Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Tổng công ty Dược Việt Nam</p>	
II	Các lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh					
1	Số 178 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	1.235,7	<p>Đang là văn phòng cũ, nát, xây dựng từ trước 1975 đã xuống cấp. Diện tích sàn xây dựng là 1.199,83 m2</p> <p>Tổng công ty đang dự kiến sẽ đầu tư cải tạo, xây dựng Văn phòng làm việc mới .</p>	Thuê đất trả tiền hàng năm từ năm 1996 đến năm 2046.	<p>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 092/1a/QSĐĐ 3581/UB ngày 12/11/2002</p> <p>Hợp đồng thuê đất số 12277/HĐTĐ-GTĐ ngày 01/10/2002</p> <p>- Quyết định số 2551/QĐ-BYT ngày 18/7/2011 của</p>	Đầu tư xây dựng, cải tạo lại để làm Văn phòng làm việc.

T T	Vị trí	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức thuê đất	Giấy tờ pháp lý	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa
					Bộ Y tế về việc sắp xếp lại cơ sở nhà, đất của Văn phòng đại diện Tổng công ty Dược Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.	
2	Số 126A Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	691,7	Trụ sở Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh Hiện trạng nhà xây từ trước 1975, xuống cấp cần phải sửa chữa mới sử dụng được lâu dài	Thuê đất trả tiền hàng năm từ năm 1996 đến năm 2046.	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 093/1a/QSĐĐ 3582/UB ngày 12/11/2002 - Hợp đồng thuê đất số 12276/HĐTĐ-GTĐ ngày 01/10/2002 - Công văn số 2479/UBND-TCM ngày 09/5/2015 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về nhà đất số 126A Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh. - Công văn số 6573/BTC-QLCS ngày 20/5/2015 của Bộ Tài chính về phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất tại 126A Trần Quốc Thảo, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. 	Đầu tư sửa chữa, cải tạo lại để làm Văn phòng làm việc; Văn phòng Trung tâm thử tương đương sinh học, đánh giá sinh khả dụng của thuốc và trung tâm giới thiệu sản phẩm, hỗ trợ công nghệ Dược tại phía Nam.
	Tổng cộng	9.869,2				

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp và hồ sơ của Tổng công ty Dược Việt Nam

Đánh giá về tình hình sử dụng đất

Trong thời gian qua, Tổng công ty đã quản lý và sử dụng đất đai đúng mục đích và đúng quy định của pháp luật. Hiện tại Tổng công ty không có đất đai thuộc diện tranh chấp, quy hoạch.

6.2. Tình hình tài sản cố định

Toàn bộ tài sản cố định của Tổng công ty trước thời điểm cổ phần hóa được chuyển giao sang công ty cổ phần, cụ thể như sau:

Bảng 3: Bảng tổng hợp Tài sản cố định của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam theo biên bản Xác định Giá trị Doanh nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

ST T	Loại tài sản	Giá trị theo sổ sách tại 31/12/2013			Giá trị theo Biên bản XDGTĐN	
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ ĐANG CẢN DỪNG	17.194.807.346	8.112.931.105	9.081.876.241	46.475.023.299	17.386.679.791
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	13.323.784.711	5.546.824.087	7.776.960.624	42.616.636.119	15.671.731.305
2	Phương tiện vận tải	2.692.595.828	1.680.818.205	1.011.777.623	2.692.595.828	1.340.219.572
3	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.178.426.807	885.288.813	293.137.994	1.165.791.352	374.728.914
B	TSCĐ KHÔNG CẢN DỪNG	488.888.380	488.888.380	-	488.888.380	-
1	Phương tiện vận tải	156.477.380	156.477.380	-	156.477.380	-
2	Thiết bị dụng cụ quản lý	332.411.000	332.411.000	-	332.411.000	-
C	TSCĐ CHỜ THANH LÝ	114.764.200	114.764.200	-	114.764.200	-
1	Thiết bị dụng cụ quản lý	114.764.200	114.764.200	-	114.764.200	-
	TỔNG CỘNG	17.798.459.926	8.716.583.685	9.081.876.241	47.078.675.879	17.386.679.791

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại ngày 31/12/2013.

Bảng 4: Tình hình tăng giảm TSCĐ của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam tại ngày 31/12/2015 so với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục TSCĐ	Theo Biên Bản XDGTDN 31/12/2013	Theo Sổ sách kế toán ¹ 31/12/2015	Chênh lệch
I. Nguyên giá	46.475.023.299	59.455.106.871	12.970.083.572
- Nhà cửa, vật kiến trúc	42.616.636.119	39.897.779.117	(2.718.857.002)
- Máy móc thiết bị	-	15.372.905.659	15.372.905.659
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	2.692.595.828	3.884.563.100	1.035.489.892
- Thiết bị dụng cụ quản lý	1.165.791.352	299.858.995	(865.932.357)
II. Giá trị hao mòn lũy kế	29.691.996.088	30.450.546.953	758.550.865
- Nhà cửa, vật kiến trúc	26.944.904.814	25.696.713.515	(1.248.191.299)
- Máy móc thiết bị	-	2.700.457.802	2.700.457.802
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.508.853.636	1.857.023.330	348.169.694
- Thiết bị dụng cụ quản lý	1.238.237.638	196.352.306	(1.041.885.332)
III. Giá trị còn lại	17.386.679.791	29.004.559.918	11.617.880.127
- Nhà cửa, vật kiến trúc	15.671.731.305	14.201.065.602	(1.470.665.703)
- Máy móc thiết bị	-	12.672.447.857	12.672.447.857
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.340.219.572	2.027.539.770	687.320.198
- Thiết bị dụng cụ quản lý	374.728.914	103.506.689	(271.222.225)

Nguồn: BCTC Tổng công ty Dược Việt Nam năm 2015 và Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại ngày 31/12/2013

Đến thời điểm 31/12/2015, so với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2013) Nguyên giá tài sản tại Tổng công ty tăng hơn 13,97 tỷ đồng, trong đó chủ yếu do Tổng công ty đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động của Tổng công ty. Nguyên giá phương tiện vận tải, truyền dẫn và thiết bị dụng cụ quản lý không thay đổi nhiều. Tương tự, giá trị còn lại TSCĐ tăng gần 11,62 tỷ đồng chủ yếu do tăng từ việc đầu tư mua thêm máy móc thiết bị.

Hao mòn lũy kế từ máy móc thiết bị tăng hơn 2,70 tỷ đồng, đồng thời giá trị hao mòn của Nhà cửa, vật kiến trúc giảm gần 1,25 tỷ đồng; thiết bị dụng cụ quản lý giảm hơn 1,04 tỷ đồng dẫn đến việc Giá trị hao mòn lũy kế không chênh lệch nhiều so với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

¹ Số liệu tại 31/12/2015 là số liệu đã được điều chỉnh theo giá trị Tài sản đã xác định lại để CPH

Bảng 5: Chi tiết phương tiện vận tải của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam theo Biên bản xác định giá trị Doanh nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên tài sản	SL	Năm SX	Giá trị sổ sách 31/12/2013			Giá trị theo Biên bản XDGTĐN	
				Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Ô tô Mitsubishi Jolie 8 chỗ, dung tích xi lanh 1.997 cm ³ , Việt Nam lắp ráp	1	2004	449.758.100	449.758.100	-	449.758.100	89.951.620
2	Ô tô Toyota CORLLA ALTIS 1.8AT, 4 chỗ, Việt Nam lắp ráp	1	2009	629.491.190	355.400.234	274.090.956	629.491.190	314.745.595
3	Ô tô Toyota Fortuner 7 chỗ, dung tích xi lanh 2.694 cm ³ , Việt Nam lắp ráp	1	2011	1.041.440.000	303.753.333	737.686.667	1.041.440.000	737.686.667
4	Xe tải Daihatsu	1	2004	154.634.629	154.634.629	-	154.634.629	30.929.926
5	Xe Toyota Innova, Việt Nam lắp ráp	1	2006	417.271.909	417.271.909	-	417.271.909	166.908.764
	Tổng			2.692.595.828	1.680.818.205	1.011.777.623	2.692.595.828	1.340.222.572

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại ngày 31/12/2013

Bảng 6: Chi tiết thiết bị dụng cụ quản lý của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam theo Biên bản Xác định Giá trị Doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

STT	Tên tài sản	SL	Năm SD	Giá trị sổ sách 31/12/2013			Giá trị theo Biên bản XĐGTDN	
				Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
	<i>Tài sản của Tổng công ty theo Báo cáo tài chính</i>			496.130.057	433.259.389	62.870.668	483.494.602	144.461.588
1	Hệ thống máy chủ	1	2008	116.160.000	116.160.000	-	116.160.000	23.232.000
2	Máy Photo AFICO MP 1600 LE	1	2008	31.519.621	31.519.621	-	31.519.621	6.303.924
3	Máy tính xách tay (Chủ tịch)	1	2003	29.511.825	29.511.825	-	29.511.825	5.902.365
4	Máy chiếu	1	2003	38.929.000	38.929.000	-	38.929.000	7.785.800
5	Máy tính xách tay 110413 (Chủ tịch)	1	2013	35.390.000	5.308.500	30.081.500	35.390.000	30.081.500
6	Hệ thống cáp mạng thông tin	1	2004	40.801.786	40.801.786	-	40.801.786	8.160.357
7	Máy photo Furixerox DC 2056 – CTC PST	1	2013	40.150.000	7.360.832	32.789.168	40.150.000	32.789.168
8	Máy tính xách tay (Lenovo)	1	2011	12.635.455	12.635.455	-	-	-
9	Tủ thuốc điều chuyển từ Tổng công ty	1	2009	151.032.370	151.032.370	-	151.032.370	30.206.474
	<i>Tài sản tại 138B Giảng Võ chờ bàn giao về Bộ Y tế</i>			322.512.100	322.512.100	-	322.512.100	-

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Tên tài sản	SL	Năm SD	Giá trị sổ sách 31/12/2013			Giá trị theo Biên bản XDGTĐN	
				Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
8	Điều hòa Mishubisi 48.000 BTU (Nhà kính)	1	2006	57.442.500	57.442.500	-	57.442.500	-
9	Hệ thống Điều hòa âm trần HT+ ĐY (1 hệ thống gồm 2 máy)	1	2006	45.693.000	45.693.000	-	45.693.000	-
10	Biển quảng cáo Hiệu thuốc 138B G.Võ	1	2005	219.376.600	219.376.600	-	219.376.600	-
	<i>Thiết bị nhận bàn giao sau ngày 31/12/2013 từ Tổng cục DS -KHHGD</i>			359.784.650	129.517.324	230.267.326	359.784.650	230.267.326
11	Thang máy Hyundai HIVD 700GF Inverter (H7G7-5,5H), Hàn Quốc sản xuất	1	2008	118.284.650	59.142.324	59.142.326	118.284.650	59.142.326
12	Máy phát điện Westin Power Model 4BTA3.9 (24V-3,7KW), Trung Quốc sản xuất	1	2010	241.500.000	70.375.000	171.125.000	241.500.000	171.125.000
	TỔNG CỘNG			1.178.426.807	885.288.813	293.137.994	1.165.791.352	374.728.914

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại ngày 31/12/2013

7. Danh sách công ty mẹ, công ty con, và công ty liên kết của Tổng công ty

Hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết mang lại phần lớn nhất trong cơ cấu lợi nhuận của Tổng công ty. Trước cổ phần hóa, Tổng công ty đầu tư vốn tại 4 công ty con, 11 công ty liên kết, và đầu tư tài chính dài hạn tại 8 công ty khác. Phần vốn góp và đầu tư tài chính dài hạn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết, và các công ty đầu tư dài hạn đó được bảo toàn và phát triển. Giá trị đầu tư của Tổng công ty vào các công ty con, công ty liên kết theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp là 1.547 tỷ VNĐ.

7.1. Công ty mẹ của Tổng công ty: Không có.

7.2. Danh sách công ty con của Tổng công ty

Bảng 7: Danh sách và giá trị đầu tư của Tổng công ty vào các công ty con (31/12/2015)

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Giá trị vốn góp theo sổ kế toán	VĐL của đơn vị nhận góp vốn	Tỷ lệ sở hữu trên VĐL
1	Công ty CP Dược phẩm TW1 – Pharbaco	160 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	71.011.498.408	73.500.000.000	77,55%
2	Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1	Số 356A Đường Giải Phóng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	137.215.500.000	209.790.000.000	65,41%
3	Công ty CP Dược phẩm Trung ương Codupha	334 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM.	121.225.000.000	182.700.000.000	66,35%
4	Công ty CP Dược Trung ương 3	115 Ngô Gia Tự, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	11.375.000.000	17.500.000.000	65,00%
	Tổng cộng		340.826.998.408	483.490.000.000	

Nguồn: Tổng Công ty Dược Việt Nam

7.3. Danh sách công ty liên kết của Tổng công ty

Bảng 8: Danh sách và giá trị đầu tư của Tổng Công ty vào các công ty liên kết (31/12/2015)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Tên đơn vị	Giá trị đầu tư theo sổ kế toán	VĐL của đơn vị nhận góp vốn	Tỷ lệ sở hữu trên VĐL
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	288.726.774.000	289.426.460.000	23,75%
2	Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	159.977.506.239	151.234.130.000	23,33%
3	Công ty Cổ phần Bao bì Dược	12.200.782.402	20.000.000.000	22,5%
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Vidipha	74.882.978.449	121.749.040.000	23,30%
5	Công ty CP Dược Danapha	85.132.916.211	97.650.000.000	29,86%

TT	Tên đơn vị	Giá trị đầu tư theo sổ kế toán	VĐL của đơn vị nhận góp vốn	Tỷ lệ sở hữu trên VĐL
6	Công ty CP Dược phẩm Sanofi – Synthelabo	252.643.512.013	77.467.000.000	30,00%
7	Công ty CP Dược Danapha – Nanosome	4.500.000.000	17.989.750.000	25,00%
8	Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3	22.266.674.167	52.500.000.000	25,71%
9	Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	14.940.590.562	50.000.000.000	25,50%
10	Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	14.390.184.874	18.000.000.000	45,83%
11	Công ty CP Dược phẩm Trung ương 25	44.713.236.026	77.946.410.000	48,49%
	Tổng	974.375.154.943	973.962.790.000	

Nguồn: Tổng Công ty Dược Việt Nam

Bảng 9: Danh sách các Công ty đầu tư dài hạn khác (31/12/2015)

TT	Tên đơn vị	Số lượng Cổ phần nắm giữ (Cổ phần)	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty CP Dược phẩm OPC	3.562.650	14,08%	14,08%
2	Công ty CP Hóa dược Việt Nam	166.670	9,26%	9,26%
3	Công ty CP Dược TW Medipharco – Tenamyd	450.345	15,01%	15,01%
4	Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex	713.750	11,37%	11,37%
5	Công ty CP Y dược phẩm Vimedimex	1.579.833	18,72%	18,72%
6	Công ty CP Y dược phẩm Việt Nam	2.000	5,26%	5,26%
7	Công ty CP Dược phẩm Yên Bái	243.220	15%	15%
8	Công ty CP Dược liệu Trung ương 2	1.680.000	17,68%	17,68%

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam năm 2015

8. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013 – 2015

8.1. Tình hình hoạt động kinh doanh.

a. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận theo lĩnh vực hoạt động

Bảng 10: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015 (đã bao gồm Trung tâm DVTM Dược mỹ phẩm²)

² Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm là đơn vị trực thuộc, hạch toán độc lập của Tổng Công ty Dược Việt Nam, do đó các số liệu của Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam được cung cấp trong Bản công bố thông tin này là số liệu bao gồm Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm.

TT	Chỉ tiêu	2013		2014		2015	
		Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DTT (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DTT (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DTT (%)
1	Doanh thu kinh doanh dược mỹ phẩm và thiết bị y tế	114,46	97,51	136,61	97,79	201,06	98,48
2	Doanh thu kinh doanh khác	2,92	2,49	3,09	2,21	3,1	1,52
	Tổng	117,38	100,00	139,70	100,00	204,16	100,00

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam và Trung tâm DVTM Dược Mỹ phẩm các năm 2013, 2014, 2015.

Nhờ đẩy mạnh hoạt động kinh doanh các mặt hàng dược mỹ phẩm và thiết bị y tế trong các năm từ 2013 đến 2015 nên doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam tăng khá nhanh. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2014 tăng 19,02% so với năm 2013 và năm 2015 tăng 46,14% so với năm 2014. Ngoài ra, doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác như hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng) tuy chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ, khoảng 2% doanh thu thuần nhưng tương đối ổn định qua các năm và góp phần không nhỏ trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam.

Bảng 11: Cơ cấu doanh thu hợp nhất Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015³

TT	Chỉ tiêu	2013		2014		2015	
		Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DT (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DT (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DT (%)
1	Doanh thu về bán hàng hóa	7.530,80	93,75	7.476,94	92,47	6.786,17	91,94
2	Doanh thu về bán thành phẩm	414,72	5,16	538,22	6,66	550,93	7,46
3	Doanh thu về cung cấp dịch vụ	87,21	1,09	70,69	0,87	43,70	0,59
	Tổng cộng	8,032,74	100,00	8.085,85	100,00	7.380,80	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty Dược Việt Nam năm 2013, 2014, 2015.

Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015 (đã bao gồm Trung tâm DVTM Dược mỹ phẩm)

³ Do các công ty con có hoạt động sản xuất còn Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam hiện tại không có hoạt động sản xuất trực tiếp nên cơ cấu doanh thu hợp nhất khác với cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ ở chỗ Công ty mẹ không có doanh thu về bán thành phẩm.

TT	Chỉ tiêu	2013		2014		2015	
		Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DTT (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DTT (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DTT (%)
1	Lợi nhuận gộp kinh doanh dược mỹ phẩm và thiết bị y tế	8,99	7.66	8,28	7.43	6,85	3,36
2	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh khác	2,55	2.17	2,70	1.93	2,09	1,02
	Tổng	11,54	9.83	10,98	9,36	8,94	4,38

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam và Trung tâm DVTM Dược Mỹ phẩm các năm 2013, 2014, 2015

Mặc dù doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2014 tăng 19% so với năm 2013 nhưng giá vốn hàng hóa lại tăng với tốc độ cao hơn (21,62%) nên lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam năm 2014 giảm 4,85% so với năm 2013. Cũng trong xu thế đó, so với năm 2014 giá vốn hàng hóa năm 2015 tăng 51,66% trong khi doanh thu chỉ tăng 46,14%, khiến cho lợi nhuận gộp của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam giảm từ 10,98 tỷ còn 8,94 tỷ (giảm 18,6%). Tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng giảm dần qua các năm từ 2013-2015.

Bảng 13: Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015

TT	Chỉ tiêu	2013		2014		2015	
		Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DT (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DT (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DT (%)
1	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	746,03	9,35	718,55	8,96	674,66	9,14

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty Dược Việt Nam năm 2013, 2014, 2015.

b. Nguyên vật liệu

Do đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng công ty hiện nay là kinh doanh thương mại các sản phẩm dược mỹ phẩm nên Tổng công ty không sử dụng nguyên vật liệu.

c. Chi phí hoạt động kinh doanh

Bảng 14: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 - 2015 (đã bao gồm Trung tâm DVTM Dược mỹ phẩm)

T T	Chỉ tiêu	2013		2014		2015	
		Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DTT (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DTT (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	105,85	90,18	128,73	92,15	195,22	95,62
2	Chi phí tài chính	0,22	0,19	0,36	0,26	1,98	0,97
3	Chi phí bán hàng	5,92	5,04	10,36	7,42	13,26	6,49
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23,21	19,77	25,4	18,18	23,36	11,44
5	Tổng chi phí	135,20	115,18	164,85	118,00	233,82	114,53

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam và Trung tâm DVTM Dược Mỹ phẩm các năm 2013, 2014, 2015

Trước đây, Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam không trực tiếp kinh doanh các sản phẩm dược, mỹ phẩm và thiết bị y tế, chỉ đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết nên giá vốn và chi phí bán hàng rất thấp. Từ năm 2013 đến nay, Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam trực tiếp kinh doanh nên hai chỉ tiêu này tăng khá nhanh và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí.

Năm 2013 chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam chiếm 17,17% trong tổng chi phí (trong đó chi phí nhân viên chiếm gần ½), và cùng với việc trực tiếp mở rộng hoạt động kinh doanh, tỷ trọng này đã giảm dần còn 15,41% và 9,99% trên tổng chi phí qua các năm 2014 và 2015.

Bảng 15: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh hợp nhất Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015

T T	Chỉ tiêu	2013		2014		2015	
		Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DT (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DT (%)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Tỷ trọng trên DT (%)
1	Giá vốn hàng bán	7.234,15	90,06	7.297,35	90,25	6.606,45	89,51
2	Chi phí tài chính	151,59	1,89	123,97	1,53	165,64	2,24
3	Chi phí bán hàng	341,33	4,25	354,85	4,39	361,10	4,89
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	205,64	2,56	204,99	2,54	187,97	2,55
5	Tổng chi phí	7.932,71	98,75	7.981,16	98,71	7.321,16	99,19

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty Dược Việt Nam các năm 2013, 2014, 2015.

d. Trình độ công nghệ

- Trình độ công nghệ của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển khoa học công nghệ dược: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển khoa học công nghệ Dược của Tổng công ty đã được Bộ Y tế cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trung tâm có đầy đủ các thiết bị để triển khai phân tích thuốc trong dịch sinh học: 01 máy thử độ hòa tan, 02 máy sắc ký lỏng hiệu năng cao (trong đó 1 máy detector UV và 01 máy detector huỳnh quang), 01 máy sắc ký lỏng khối phổ LCMSMS (là loại thiết bị sắc ký lỏng hiện đại nhất, đảm bảo độ nhạy cao khi phân tích thuốc trong dịch sinh học với nồng độ độ rất thấp).
- Trình độ công nghệ của dịch vụ xuất nhập khẩu, phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc và bán lẻ thuốc: Trang bị đủ hệ thống cơ sở vật chất, quy trình thao tác chuẩn, thiết bị máy móc được kiểm chuẩn và hiệu chuẩn theo đúng quy định và đã được cấp giấy chứng nhận GSP (Thực hành tốt kho thuốc), GDP (Thực hành tốt phân phối thuốc), GPP (thực hành tốt nhà thuốc).

e. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng: Tổng công ty đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008; Và hệ thống quản lý chất lượng thực hành tốt theo tiêu chuẩn của ngành Dược GLP, GSP, GDP, GPP.
- Bộ phận đầu mối đảm bảo chất lượng của Tổng công ty (Phòng Khoa học Công nghệ): Với vai trò rà soát và định kỳ đánh giá nội bộ các hoạt động của Tổng công ty nhằm đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng của Tổng công ty được duy trì và cải tiến kịp thời phục vụ tốt nhất các hoạt động của Tổng công ty. Tiếp nhận mọi ý kiến phản nản của khách hàng trong quá trình cung cấp dịch vụ để kịp thời khắc phục từ đó chất lượng sản phẩm và dịch vụ của công ty ngày một nâng cao.

f. Hoạt động Marketing

Giai đoạn trước 2013, Tổng công ty mới triển khai hoạt động kinh doanh trực tiếp, hoạt động Marketing chưa được chú trọng. Từ năm 2013 đến nay, Tổng công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trực tiếp đồng thời tăng cường các hoạt động Marketing như quảng bá, tuyên truyền trong và ngoài nước để xây dựng nhãn hiệu và hình ảnh doanh nghiệp, giới thiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại... để gắn thương hiệu Vinapharm với các sản phẩm và dịch vụ của Tổng công ty; từng bước xây dựng Vinapharm trở thành thương hiệu hàng đầu trong ngành Dược Việt Nam.

g. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

STT	Tên nhãn hiệu	Số văn bằng	Năm cấp	Năm gia hạn	Ghi chú
1	Cao sao vàng	819019	2003	2013	Quốc tế
2	Cao sao vàng	49760	2003	2012	Trong nước
3	Royal award	190762	2012	-	Trong nước
4	Nature light	190763	2012	-	Trong nước

5	Easygoing	190764	2012	-	Trong nước
6	Effectway	190765	2012	-	Trong nước
7	Vitamin one	200023	2013	-	Trong nước
8	Sleep one	200024	2013	-	Trong nước
9	Iqbest	200025	2013	-	Trong nước
10	Logo + vinapharm	206104	2013	-	Trong nước
11	Maxgrow	208397	2013	-	Trong nước
12	Thiapanto	240106	2015	-	Trong nước

Nguồn: Tổng công ty Dược Việt Nam

h. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Số Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (VNĐ)	Ngày ký Hợp đồng	Sản phẩm/nội dung hợp đồng	Đối tác trong Hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ	480.000.000	05/11/2014	Rifampicin	Công ty TNHH DP Minh Tiến	2014
2	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ	350.000.000	28/11/2014	Piracetam	Công ty CPDP TW2	2014
3	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ	300.000.000	28/11/2014	Metformin	Danapha	2014
4	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ	550.000.000	22/12/2014	Clindamicin	Công ty CPDP TW2	2014
5	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ	430.000.000	22/12/2014	Pantoprazole	Công ty CPDP TW2	2014
6	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ	350.000.000	24/12/2014	Metformin	Công ty Dược Hậu Giang	2014
7	037/2014/VNP-TV	1.043.580.000	29/12/2014	SANBECLANE KSI	Công ty Thiên Vũ	2014
8	04/2015/VNP-VNDIALYSIS	4.863.150.000	02/02/2015	Hesorin (Heparin Sodium 25.000 IU/5ml)	Công ty CP máy lọc thận VN	2015
9	07/2015/VNP-VA	5.259.907.600	10/3/2015	Cerebrolysin	Công ty Việt Áo	2015
10	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ	450.000.000	19/3/2015	Azithromycin	Công ty CPTMDP Phú Thái	2015
11	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ	460.000.000	24/4/2015	Amlodipin	Synmedic	2015
12	25/2015/VNP-VA	6.541.016.000	28/5/2015	Cerebrolysin	Công ty Việt Áo	2015
13	Nghiên cứu khoa học và triển khai	415.000.000	30/6/2015	Cefixime 200 mg	Công ty TNHH TM	2015

TT	Số Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (VNĐ)	Ngày ký Hợp đồng	Sản phẩm/nội dung hợp đồng	Đối tác trong Hợp đồng	Thời gian thực hiện
	công nghệ				Dược Phẩm Trường Thịnh	
14	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ	415.000.000	30/6/2015	Cefuroxime 500 mg	Công ty TNHH TM Dược Phẩm Trường Thịnh	2015
15	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ	410.000.000	30/6/2015	Clarithromycin 250mg	Công ty CP Thiết bị T&T	2015
16	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ	410.000.000	30/6/2015	Clarithromycin 500mg	Công ty TNHH TM DP Trần Thắng	2015
17	32/2015/VNP-HC	10.478.400.000	03/7/2015	Cefoxitine Gerda 1G	Công ty Huy Cường	2015
18	24/2015/VNP-VA	4.769.277.600	17/7/2015	Cerebrolysin	Công ty Việt Áo	2015
19	26/2015/VNP-VA	5.375.537.000	19/7/2015	Cerebrolysin	Công ty Việt Áo	2015
20	27/2015/VNP-VA	5.375.537.000	24/7/2015	Cerebrolysin	Công ty Việt Áo	2015
21	51/2015/VNP-HC	10.800.000.000	29/9/2015	Cefoxitine 1G	Công ty Huy Cường	2015
22	52/2015/VNP-HC	7.852.500.000	29/9/2015	Cefoxitine 2G	Công ty Huy Cường	2015
23	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ	440.000.000	08/9/2015	Rifampicin 300 mg	Mekophar	2015
24	Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ	438.200.000	29/10/2015	Lamivudine 100mg	Savipharm	2015

8.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 16: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015 (đã bao gồm Trung tâm DVTM Dược mỹ phẩm)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014 ⁴	Năm 2015
1. Tổng giá trị tài sản	Tỷ VNĐ	1.485,82	2.497,04	2.727,17
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	Tỷ VNĐ	1.419,77	2.471,15	2.673,50
3. Nợ vay ngắn hạn	Tỷ VNĐ	0	0	0
Trong đó, nợ quá hạn		0	0	0
4. Nợ vay dài hạn	Tỷ VNĐ	0	0	0
Trong đó, nợ quá hạn		0	0	0
5. Nợ phải thu khó đòi	Tỷ VNĐ	0,19	0,19	0

⁴ Số liệu được lấy theo số đầu kỳ BCTC 2015 đã được kiểm toán điều chỉnh so với dư cuối kỳ BCTC 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014 ⁴	Năm 2015
6. Tổng số lao động	Người	107	108	102
7. Tổng quỹ lương (triệu đồng)	Tỷ VNĐ	11.064	12.253	12.478,76
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	VNĐ	8.617	9.454	10.195
9. Tổng doanh thu ⁵	Tỷ VNĐ	218,09	307,40	375,92
10. Tổng chi phí ⁶	Tỷ VNĐ	136,44	166,35	235,33
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ VNĐ	79,64	141,76	140,14
12. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	81,65	141,04	140,60
13. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	80,71	136,07	129,03
14. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	5,68	5,51	4,83

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam và Trung tâm DVTM Dược Mỹ phẩm các năm 2013, 2014, 2015

Bảng 17: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất Tổng Công ty Dược Việt Nam giai đoạn 2013 – 2015

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1. Tổng giá trị tài sản	Tỷ VNĐ	5.127,59	6.635,63	6.785,21
2. Nợ ngắn hạn	Tỷ VNĐ	2.883,23	3.183,28	3.182,36
3. Nợ dài hạn	Tỷ VNĐ	153,42	144,64	84,43
4. Tổng doanh thu ⁷	Tỷ VNĐ	8.181,15	8.346,88	7.626,17
5. Tổng chi phí ⁸	Tỷ VNĐ	7.965,22	8.107,22	7.424,81
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ VNĐ	150,57	404,14	363,31
7. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	324,87	411,07	375,35
8. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	295,95	384,61	350,02
9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	Tỷ VNĐ	291,95	377,07	346,52

⁵ Bao gồm: Doanh thu bán hàng, dịch vụ + doanh thu từ hoạt động tài chính + thu nhập khác

⁶ Bao gồm: Các khoản giảm trừ doanh thu + Giá vốn hàng bán + Chi phí tài chính + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp + chi phí khác

⁷ Bao gồm: Doanh thu bán hàng, dịch vụ + doanh thu từ hoạt động tài chính + thu nhập khác + Lãi lỗ từ liên doanh liên kết

⁸ Bao gồm: Các khoản giảm trừ doanh thu + Giá vốn hàng bán + Chi phí tài chính + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp + chi phí khác

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán Tổng công ty Dược Việt Nam các năm 2013, 2014, 2015.

8.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty giai đoạn 2013 – 2015

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty giai đoạn 2013 – 2015 bao gồm cả những nhân tố chủ quan (điểm mạnh và điểm yếu của doanh nghiệp) và những nhân tố khách quan (cơ hội và thách thức).

Điểm mạnh	Điểm yếu
<p>1. Công ty mẹ:</p> <p>Có tiềm lực tài chính mạnh đảm bảo thực hiện cho các dự án đầu tư và điều phối hoạt động của các doanh nghiệp.</p> <p>2. Toàn Tổng công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có nhiều công ty thành viên, trong đó có những doanh nghiệp đứng hàng đầu trên thị trường dược phẩm. • Có nhiều nhà máy sản xuất GMP và có một số nhà máy đầu tư sâu về công nghệ, tiêu chuẩn sản xuất, mức đầu tư cao. • Có đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ, kinh nghiệm. • Nhiều doanh nghiệp sản xuất có tiềm lực tài chính tốt. Có chiến lược phát triển phù hợp. Có mạng lưới phân phối đáp ứng yêu cầu từng doanh nghiệp. 	<p>1. Công ty mẹ :</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chưa có kinh nghiệm kinh doanh trực tiếp. • Chưa có kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện dự án có quy mô lớn để hỗ trợ cho toàn hệ thống các doanh nghiệp của Tổng công ty. • Khả năng tập hợp, điều phối hoạt động của các doanh nghiệp trong Tổng công ty chưa cao. • Khả năng đóng góp xây dựng chính sách với Bộ Y tế, Chính phủ còn yếu. <p>2. Toàn Tổng công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhiều doanh nghiệp chưa đào tạo được đội ngũ cán bộ kế cận đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. • Sản phẩm trùng lặp nhiều, cạnh tranh nội bộ cao. • Nhân sự về nghiên cứu khoa học và công nghệ chưa đáp ứng được yêu cầu. • Sự liên kết giữa các Doanh nghiệp sản xuất và Doanh nghiệp phân phối chưa cao. • Chưa có hệ thống phân phối thuốc đủ mạnh để lôi kéo các Doanh nghiệp trong ngành tham gia vào Hệ thống phân phối.
<p>Cơ hội</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mở cửa, hội nhập tạo điều kiện cho 	<p>Thách thức</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kinh tế trong nước đối mặt với những

<p>các doanh nghiệp tiếp cận được các ứng dụng của khoa học kỹ thuật, nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thị trường dược phẩm Việt Nam tăng trưởng cao qua các năm. • Cơ cấu bệnh tật ngày càng phức tạp, nhu cầu sử dụng thuốc và nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày một tăng. • Chính sách bảo hiểm y tế toàn dân đang được triển khai mạnh mẽ. • Là Tổng công ty duy nhất của nhà nước trong lĩnh vực dược, được Chính phủ, Bộ Y tế và các bộ ngành quan tâm, hỗ trợ. • Đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam” đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt, tạo tiền đề và cơ hội cho các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty nâng cao năng lực và doanh thu sản xuất. 	<p>khó khăn do giá dầu sụt giảm, tỷ giá tăng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Việc quản lý, triển khai các dự án nhất là dự án đầu tư ra nước ngoài rất phức tạp và khó khăn. • Sự gia tăng về năng lực cũng như số lượng các doanh nghiệp sản xuất của các doanh nghiệp ngoài Tổng công ty dẫn đến mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt. • Người dân và Bác sĩ điều trị có thói quen sử dụng thuốc ngoại. Tỷ lệ thuốc ngoại trong điều trị chiếm cao hơn so với thuốc sản xuất trong nước. • Tiềm lực kinh tế, kinh nghiệm của các công ty dược đa quốc gia tại Việt Nam rất mạnh. Sản phẩm của các công ty dược đa quốc gia và các doanh nghiệp nước ngoài bao phủ hầu hết trên thị trường và chiếm trên 50% tổng trị giá tiền thuốc. • Đến năm 2015, việc hình thành khối ASEAN+6 càng gia tăng thách thức đối với các doanh nghiệp dược Việt Nam.
--	---

9. Vị thế của Tổng công ty trong ngành Dược

9.1. Vị thế của Tổng công ty trong ngành Dược

Hoạt động chính của Tổng công ty hiện nay là đầu tư vào các công ty dược thành viên, trong đó có những doanh nghiệp đứng hàng đầu trên thị trường dược phẩm trong nước. Nhiều doanh nghiệp dược thành viên của Tổng công ty có năng lực tài chính mạnh, mạng lưới phân phối rộng khắp và nhà máy sản xuất GMP với công nghệ hiện đại.

Hiện nay Tổng Công ty Dược Việt Nam là một trong 3 đơn vị được Bộ Y tế cho phép tiến hành nghiên cứu tương đương sinh học. Năng lực nghiên cứu tương đương sinh học của Tổng Công ty là khoảng 20 nghiên cứu/năm.

Ngoài ra, Tổng công ty là đơn vị đầu mối thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Y tế để cung ứng thuốc trong các trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch bệnh...).

Trong giai đoạn 2015 – 2020, Tổng công ty dự kiến đầu tư và triển khai các dự án đầu tư vào các lĩnh vực trọng tâm của ngành dược bao gồm nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ dược, phát triển vùng dược liệu, sản xuất nguyên liệu dược, khám chữa bệnh...

Tổng công ty sẽ từng bước xây dựng Vinapharm trở thành thương hiệu hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực Dược và các lĩnh vực có liên quan đến ngành Dược.

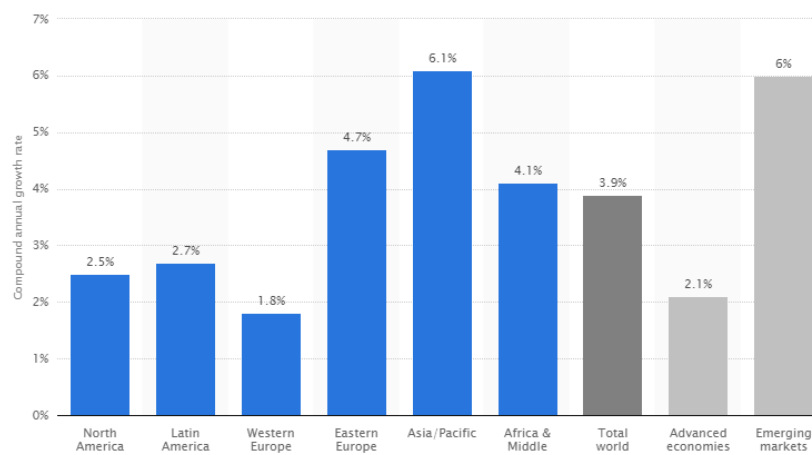
9.2. Triển vọng phát triển của ngành

9.2.1. Ngành Dược thế giới

Theo WHO, tốc độ phát triển trung bình của ngành dược trên thế giới là 3,1%. Theo Công ty Statista thì Tốc độ tăng trưởng hợp nhất (CAGR) hàng năm giai đoạn đến 2016 của ngành dược tại các khu vực được tổng hợp tại biểu đồ dưới đây. Trong đó khu vực châu Á Thái Bình Dương có tốc độ tăng trưởng cao nhất khoảng 6,1%. Thị trường mới nổi cũng có mức tăng trưởng khoảng 6%.

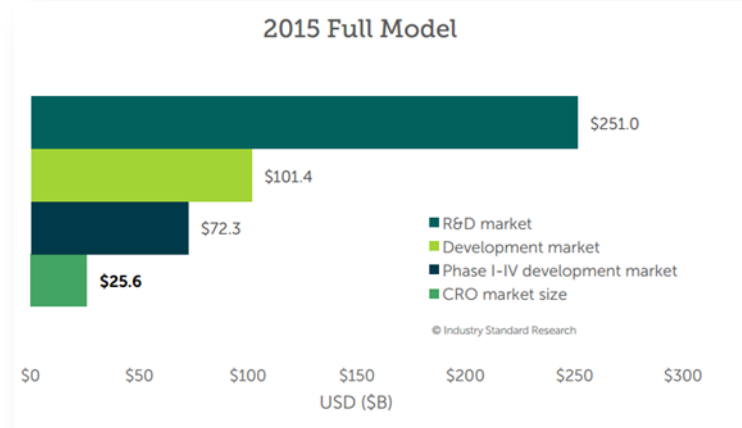
Giai đoạn 2014 - 2018, theo ước tính của Evaluate Pharma, mức tiêu thụ thuốc toàn cầu sẽ chạm ngưỡng 900 tỷ USD vào năm 2018. Doanh thu thuốc kê đơn dự báo sẽ đạt mức 1000 tỷ USD, doanh thu từ chế phẩm sinh học (Biologicals) sẽ chiếm 52% trong Top 100 thuốc kê đơn và OTC và chiếm 27% tổng thị trường toàn cầu vào năm 2020.

Tốc độ tăng trưởng ngành dược các khu vực 2015 - 2018



Nguồn: Công ty Statista 2015

Lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D) thế giới được Công ty Industry Standard Research dự báo năm 2015 gồm: Nghiên cứu và phát triển thị trường 251 tỷ USD, Phát triển thị trường 101,4 tỷ USD, Nghiên cứu Pha I-IV 72,3 tỷ USD và dịch vụ nghiên cứu lâm sàng là 25,6 tỷ USD. Theo Công ty Technavio thì tốc độ tăng trưởng hàng năm (CAGR) của dịch vụ nghiên cứu lâm sàng là khoảng 8,1% trong giai đoạn 2014 - 2019.



Nguồn: Công ty Industry Standard Research

Chi phí cho nghiên cứu và phát triển (R&D) thuốc rất cao. Theo Deloitte and Thomson Reuters examined thì thời điểm cuối năm 2013 chi phí để đưa một thuốc mới ra thị trường là 1,3 tỷ USD. Vì vậy, các hãng sản xuất đang có xu hướng thực hiện công đoạn nghiên cứu lâm sàng tại các nước đang phát triển.

9.2.2. Ngành Dược Việt Nam

Hiện công nghiệp dược Việt Nam đang ở gần cấp độ 3 theo thang phân loại của WHO. Còn nếu theo thang phân loại 5 mức phát triển của UNIDO thì công nghiệp dược của Việt Nam mới chỉ ở mức 3 nghĩa là “công nghiệp dược nội địa sản xuất đa số thành phẩm từ nguyên liệu nhập”.

Ngành dược chưa được quy hoạch rõ nét, chỉ tập trung vào sản xuất thuốc generic (là thuốc có cùng một hoạt chất với các thuốc phát minh), bỏ ngỏ phân khúc thuốc đặc trị cho các công ty nước ngoài.

Theo dữ liệu của IMS về sức khỏe, Việt Nam là một trong những nước sử dụng thuốc generics cao nhất thế giới, đặc biệt, ở thị trường bệnh viện mà chủ yếu là bệnh viện công.

Đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam” đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt, tạo tiền đề và cơ hội cho các doanh nghiệp sản xuất thuốc trong nước nâng cao năng lực và doanh thu. Tổng tiền thuốc chi tiêu bình quân đầu người tại Việt Nam năm 2015 đạt 37,97 USD/người. Theo IMS thì Việt Nam được xếp vào nhóm thị trường mới nổi ở Nhóm 2 thuộc Lớp 3 (Chi tiêu thuốc trên đầu người dưới 85 USD/ người), bao gồm 9 nước: Vietnam, South Africa, Algeria, Thailand, Indonesia, Egypt, Pakistan, Nigeria và Ukraine.

Về nền tảng pháp lý, Luật Dược (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2017. Các hoạt động của ngành dược sẽ chịu nhiều tác động sau khi Luật Dược có hiệu lực.

a. Nghiên cứu lâm sàng, nghiên cứu tương đương sinh học

Nghiên cứu lâm sàng là một phân khúc trong quá trình nghiên cứu và phát triển (R&D) một thuốc mới. Do môi trường pháp lý chưa ổn định cũng như chi phí thực hiện một nghiên cứu phát minh thuốc mới rất cao so với quy mô của các công ty Việt Nam (Chi phí cho một nghiên cứu tương đương với tổng tiêu dùng thuốc của Việt Nam năm 2014). Vì vậy, Việt Nam chỉ có thể thực hiện dịch vụ nghiên cứu lâm sàng (Contract Research Organizer -

CRO) tại Việt Nam. Hiện nay chưa có tổ chức, công ty của Việt Nam tham gia vào loại hình kinh doanh dịch vụ này. Tổ chức nước ngoài có mặt tại Việt Nam thực hiện dịch vụ này gồm Công ty TNHH Quintiles Việt Nam, và FHI vẫn còn đang lúng túng vì luật pháp Việt Nam chưa có loại hình kinh doanh này.

Theo quy định tại Thông tư 08/2010/TT-BYT về hướng dẫn nộp số liệu báo cáo tương đương sinh học và sinh khả dụng của thuốc, Bộ Y tế yêu cầu đánh giá tương đương sinh học với 12 hoạt chất và đối với các thuốc có dạng bào chế đặc biệt (thuốc giải phóng tại đích, thuốc tác dụng kéo dài). Theo lộ trình hòa hợp quy chế với các nước ASEAN, dự kiến đến năm 2020 số lượng hoạt chất phải đánh giá BA/BE tăng lên khoảng 30 hoạt chất.

Theo chiến lược quốc gia phát triển ngành dược: đến năm 2020 có 40% thuốc generic sản xuất trong nước và nhập khẩu có số đăng ký lưu hành được đánh giá tương đương sinh học và sinh khả dụng.

Hiện nay, Việt Nam có khoảng gần 3000 số đăng ký thuốc generic được cấp số đăng ký lưu hành trong đó thuốc sản xuất trong nước khoảng 2000 số đăng ký. Tuy nhiên, cả nước mới chỉ có 3 đơn vị được Bộ Y tế cho phép tiến hành nghiên cứu tương đương sinh học trong đó có Tổng công ty Dược Việt Nam với năng lực nghiên cứu khoảng 20 nghiên cứu/năm. Năng lực thực hiện nghiên cứu tương đương sinh học của 2 đơn vị còn lại (Viện kiểm nghiệm thuốc TW, Viện kiểm nghiệm thuốc TP. HCM) là 80 nghiên cứu/năm.

Từ nay đến năm 2020, số lượng doanh nghiệp làm dịch vụ nghiên cứu BA/BE sẽ tăng nhưng sẽ không nhiều vì việc thực hiện nghiên cứu BA/BE phải mất rất nhiều thời gian để đào tạo nhân lực và văn bản cụ thể hướng dẫn điều kiện cho đơn vị thử BA/BE chưa ban hành (dự kiến được ban hành trong giai đoạn 2017 - 2018 sau khi ban hành Luật Dược sửa đổi). Từ nay đến 2020 lượng cung chưa đáp ứng đủ nhu cầu của ngành dược. Vì vậy, việc mở rộng đầu tư, nâng cao năng lực nghiên cứu BA/BE của Tổng công ty là rất cần thiết và có nhiều cơ hội phát triển.

b. Nghiên cứu bào chế

Hiện nay, các công ty sản xuất đều có phòng nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Một số công ty đã triển khai tốt chiến lược nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Tuy nhiên, nhiều công ty do điều kiện về cơ sở vật chất cũng như nhân lực chưa thực sự mạnh nên cũng chỉ tập trung các dạng bào chế đơn giản và chưa có chiến lược rõ ràng.

Các hoạt động chuyển giao công nghệ (licensing) cũng đã xuất hiện tại Việt Nam nhưng vẫn còn ở quy mô nhỏ.

c. Sản xuất

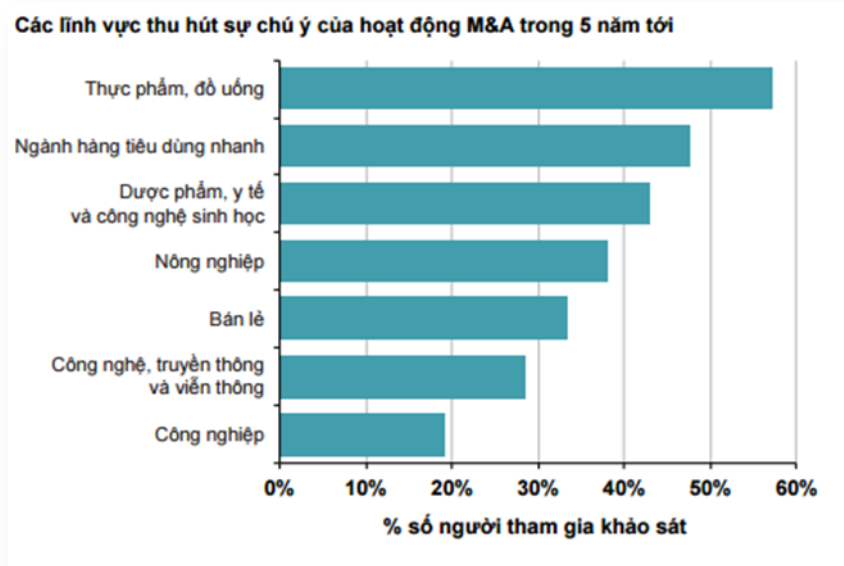
Quy mô sản xuất trong nước của Việt Nam chiếm 77% về số lượng nhưng chỉ chiếm 35% về giá trị. Sản xuất trong nước tập trung vào các nhóm thuốc cũ có giá trị thấp và công thức đơn giản. Thị phần của thuốc sản xuất trong nước tăng rất chậm và khó đạt được mục tiêu của Chính phủ là 80% vào năm 2020.

Giá trị thuốc sản xuất trong nước năm 2015 ước tính đạt khoảng 1,65 tỷ USD (năm 2014: 1,39 tỷ USD, 2013: 1,3 tỷ USD), trong đó xuất khẩu được 150 triệu USD.

Nhiều nhà sản xuất trong nước có xu hướng nâng cấp nhà máy sản xuất lên các tiêu chuẩn quốc tế như PIC/S-GMP, EU-GMP để sản xuất thuốc generic chất lượng cao nhằm

tăng khả năng trúng thầu kênh ETC và khai thông thị trường xuất khẩu. Gia công thuốc và sản xuất nhượng quyền là con đường ngắn và hiệu quả nhất để học hỏi và theo kịp trình độ phát triển của ngành dược thế giới. Tuy nhiên, hoạt động mua bán bằng độc quyền sáng chế vẫn còn mới mẻ tại Việt Nam.

Theo một khảo sát do KPMG thực hiện tại Việt Nam thì ngành dược là một trong lĩnh vực sẽ thu hút hoạt động M&A trong 5 năm tới.



Theo Công ty nghiên cứu thị trường Business Monitor International (BMI), tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành dược Việt Nam giai đoạn 2015-2018 dự kiến đạt gần 16%/năm, với doanh số thị trường năm 2015 có thể đạt 3,5-5 tỷ USD.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong năm 2015, nhập khẩu dược phẩm của cả nước lên tới 2,3 tỷ USD, tăng 14% so với năm 2014. Đặc biệt, 2 tháng đầu năm 2016, nhập khẩu dược phẩm của cả nước đạt 375 triệu USD, tăng 47% so với cùng kỳ.

Thực tế, trên thị trường, dược phẩm ngoại đang lấn át nội. Theo số liệu của Bộ Y tế, thuốc nhập khẩu hiện chiếm 60% tổng tiêu thụ thuốc ở Việt Nam. Thị trường nhập khẩu dược phẩm chủ yếu của Việt Nam là các nước châu Âu, như Pháp, Đức, Anh, Italy và 2 thị trường lớn khác là Hoa Kỳ và Ấn Độ.

Bộ Y tế cho biết, các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm tập trung chủ yếu ở 2 thành phố lớn là Tp.HCM (chiếm 50% số lượng doanh nghiệp) và Hà nội (chiếm 30%) và 20% còn lại là doanh nghiệp tại các tỉnh An Giang, Cần Thơ, Nam Định, Phú Yên...

Việc Việt Nam tham gia TPP có tác động tiêu cực đến ngành dược, nhưng không đáng kể. Những yếu tố chủ yếu tác động đến ngành dược là: mức độ cạnh tranh, thuế và các quy định sở hữu trí tuệ trong sử dụng thuốc gốc. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp dược phẩm trong nước cũng sẽ có cơ hội để mở rộng kinh doanh, chuyển giao công nghệ...

d. Lưu thông phân phối

Đến hết năm 2015, hệ thống lưu thông phân phối của ngành dược Việt Nam như sau:

Số lượng cơ sở xuất nhập khẩu đạt GSP	174
Số lượng cơ sở Dịch vụ bảo quản đạt GSP	3
Số lượng cơ sở Bán buôn thuốc đạt GDP	1.700
Số lượng cơ sở Bán lẻ thuốc	42.196
Trong đó:	
• Nhà thuốc GPP	9.196
• Nhà thuốc bệnh viện (đạt GPP)	482
• Quầy thuốc	9.780
• Đại lý bán lẻ thuốc	14.871
• Tủ thuốc trạm y tế xã	7.166

Nguồn: DAV

Trong đó các công ty chính cung cấp dịch vụ kho bãi/logistic gồm: Diethelm (Thụy Sĩ), Zuellig Pharma (Singapore), Hoang Duc Pharmaceutical & Medical Supplies Co. (Việt Nam), Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 – CPC1, Mega Product (Thái Lan), Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 - CODUPHA.

Theo nghiên cứu điều tra của IMS, giá thuốc của các thuốc gốc phổ biến cũng như thuốc bảo hộ ở Việt Nam thuộc vào hàng thấp nhất trong khối ASEAN (ở tất cả các lĩnh vực điều trị). Tuy nhiên, hệ thống cung ứng nhiều trung gian làm tăng giá bán cho người sử dụng ở Việt Nam so với ở các quốc gia khác. Điều này có thể được cải thiện bằng cách cho phép những nhà phân phối chuyên nghiệp được hoạt động trên thị trường với ít hạn chế hơn.

Việc kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và phân phối thuốc đang có sự cạnh tranh rất gay gắt. Theo quy định trong Luật đấu thầu mới, có hình thức đấu thầu tập trung cấp quốc gia và cấp tỉnh. Việc đấu thầu tập trung sẽ đòi hỏi phải có những công ty có vốn đủ mạnh để phân phối thuốc cho toàn quốc hoặc cho một tỉnh.

Thị trường bị phân khúc rõ ràng trong đó việc nhập khẩu thuốc generic từ các quốc gia châu Á chiếm phần lớn.

e. Các ngành công nghiệp phụ trợ

Hóa dược và Bao bì:

- Nguyên liệu, tá dược: Nguyên liệu và tá dược đầu vào với các nhà sản xuất trong nước chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài, nguồn nguyên liệu không thiếu tuy vậy giá khi xuất khẩu sang Việt Nam có giá thành cao và doanh nghiệp nhập khẩu phải chịu nhiều ảnh hưởng từ biến động tỷ giá ngoại tệ.
- Dược liệu: Tuy nhà nước đã có những chủ trương, chính sách lớn cho phát triển dược liệu, quản lý chất lượng dược liệu nhưng đến nay, việc quy hoạch phát triển các vùng trồng dược liệu vẫn chưa được chính thức thực hiện. Số lượng dược liệu được công nhận đạt tiêu chuẩn GACP còn rất ít. Nước ta cũng chưa có nhà máy chiết xuất dược liệu, sơ chế dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP.

- Bao bì: Theo quy định của Bộ Y tế, bao bì đóng gói cấp 1 – bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc phải được sản xuất tại cơ sở đạt GMP (Thông tư 14/2012/TT-BYT ngày 31/8/2012 Quy định các nguyên tắc tiêu chuẩn “thực hành tốt sản xuất bao bì dược” và hướng dẫn triển khai áp dụng). Hiện nay, ở Việt Nam mới có 01 nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP đối với bao bì dược và mới đáp ứng được vài phần trăm so với nhu cầu sản xuất của các công ty trong nước. Hầu hết, các bao bì cấp 1 đều phải nhập khẩu. Việc đầu tư nhà máy GMP bao bì dược không đòi hỏi nhiều chi phí và không yêu cầu trình độ nhân lực quá cao.

Máy móc công nghệ:

Các công ty tại Việt Nam đã có thể sản xuất, lắp ráp một số các máy phục vụ cho ngành dược. Tuy nhiên chưa có số liệu thống kê về năng lực sản xuất cụ thể của các công ty này.

Nhân lực dược:

Theo số liệu thống kê của Cục Quản lý dược cho thấy, tỉ lệ dược sĩ của nước ta hiện mới đạt khoảng 1,76/10.000 dân. Với số lượng này, nhân lực dược chưa đáp ứng được nhu cầu cho các doanh nghiệp dược. Các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tuyển dụng nhân lực có trình độ dược sĩ trở lên đặc biệt là các tỉnh ngoài 3 thành phố lớn: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

9.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung của thế giới

Đến năm 2020, Tổng công ty tập trung đầu tư phát triển 5 lĩnh vực: i) Nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ (trong đó bao gồm nghiên cứu BA/BE); ii) Cung cấp dịch vụ làm thị trường (marketing), bán hàng; iii) Dịch vụ cho thuê kho bãi và logistics; iv) Đầu tư sản xuất thuốc công nghệ cao và v) Đầu tư sản xuất và cung ứng nguyên liệu, dược liệu, bao bì dược. Định hướng đầu tư vào các dự án trong ngành Dược của Tổng công ty phù hợp với Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của Chính phủ; đồng thời khai thác được những tiềm năng phát triển sản xuất dược phẩm của Việt Nam.

Định hướng đầu tư vào vùng dược liệu, chiết xuất dược liệu của Tổng công ty phù hợp với xu hướng chung của thế giới hướng đến các sản phẩm dược có nguồn gốc tự nhiên ít gây tác dụng phụ cho người sử dụng và thân thiện với môi trường.

II. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Căn cứ:

- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Dược Việt Nam do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện.
- Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Tổng công ty Dược Việt Nam tại thời điểm ngày 31/12/2013.
- Quyết định số 3717/QĐ-BYT ngày 04/09/2015 của Bộ Y Tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng công ty Dược Việt Nam - Công ty TNHH MTV.
- Công văn số 1403 /VPCP-ĐMDN ngày 04/3/2016 của Văn phòng chính phủ về việc gia hạn thời gian bán cổ phần lần đầu đối với TCT Dược Việt Nam.

Tại thời điểm 31/12/2013, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại như sau:

- **Giá trị thực tế doanh nghiệp: 2.435.524.053.633 đồng** (Hai nghìn bốn trăm ba mươi lăm tỷ, năm trăm hai mươi bốn triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng).
- **Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 2.370.828.792.281 đồng** (Hai nghìn ba trăm bảy mươi tỷ, tám trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm tám mươi một đồng).

Bảng 18: Tổng hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp
Đơn vị tính: VNĐ

T T	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU SỐ KT	SỐ LIỆU ĐÁNH GIÁ LẠI			CHÊNH LỆCH 5 = 4-3
			Tổng công ty	TT Dược mỹ phẩm	Cộng (4)	
1	2	3	Tổng công ty	TT Dược mỹ phẩm	Cộng (4)	5 = 4-3
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	1.526.011.157.825	2.411.597.639.995	23.926.413.638	2.435.524.053.633	909.512.895.808
I	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	703.815.286.289	1.578.733.486.805	607.962.442	1.579.341.449.247	875.526.162.958
1	Tài sản cố định	21.812.953.806	29.889.715.192	228.042.164	30.117.757.356	8.304.803.550
a.	Tài sản cố định hữu hình	9.081.876.241	17.158.637.627	228.042.164	17.386.679.791	8.304.803.550
-	Nguyên giá	17.194.807.346	45.752.084.391	722.938.908	46.475.023.299	29.280.215.953
-	Khấu hao lũy kế	(8.112.931.105)	(28.593.446.764)	(494.896.744)	(29.088.343.508)	(20.975.412.403)
b	Chi phí XDCB dở dang	12.731.077.565	12.731.077.565	-	12.731.077.565	-
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	680.327.578.438	1.547.437.113.397	-	1.547.437.113.397	867.109.534.959
3	Tài sản dài hạn khác	1.674.754.045	1.406.658.216	379.920.278	1.786.578.494	111.824.449
a.	Chi phí trả trước dài hạn	1.389.426.385	1.406.658.216	94.592.618	1.501.250.834	111.824.449
b.	Tài sản dài hạn khác	285.327.660	-	285.327.660	285.327.660	-
II	Tài sản ngắn hạn	822.195.871.536	798.584.584.932	23.318.451.196	821.903.036.128	(292.835.408)
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	366.944.690.226	365.577.708.098	1.366.983.935	366.944.692.033	1.807
a.	Tiền mặt tồn quỹ	761.377.087	698.359.194	63.019.700	761.378.894	1.807
b.	Tiền gửi ngân hàng	5.183.313.139	3.879.348.904	1.303.964.235	5.183.313.139	-
c.	Các khoản tương đương tiền	361.000.000.000	361.000.000.000	-	361.000.000.000	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	400.000.000.000	400.000.000.000	-	400.000.000.000	-
3	Các khoản phải thu (không bao gồm phải thu nội bộ)	42.571.783.096	31.226.814.125	11.052.313.756	42.279.127.881	(292.655.215)
4	Hàng tồn kho	9.016.993.424	39.797.545	8.977.013.879	9.016.811.424	(182.000)
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.662.404.790	1.740.265.164	1.922.139.626	3.662.404.790	-
II	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	34.279.568.258	-	34.279.568.258	34.279.568.258
I	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-	-	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	-	-	-	-	-
I	Tài sản cố định	-	-	-	-	-
-	Nguyên giá	488.888.380	332.411.000	156.477.380	488.888.380	-

-	Khấu hao lũy kế	(488.888.380)	(332.411.000)	(156.477.380)	(488.888.380)	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-	-	-
I	Tài sản cố định	-	-	-	-	-
-	Nguyên giá	114.764.200	114.764.200	-	114.764.200	-
-	Khấu hao lũy kế	(114.764.200)	(114.764.200)	-	(114.764.200)	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C)	1.526.011.157.825	2.411.597.639.995	23.926.413.638	2.435.524.053.633	909.512.895.808
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (MỤC A). trong đó:	1.526.011.157.825	2.411.597.639.995	23.926.413.638	2.435.524.053.633	909.512.895.808
	Giá trị còn lại của tài sản nhận bàn giao từ Tổng cục dân số KHHGD sau ngày 31/12/2013	6.839.042.956	9.718.395.084	-	9.718.395.084	2.879.352.128
	Giá trị cổ phiếu thưởng nhận được trong năm 2014	44.870.920.000	175.430.159.217	-	175.430.159.217	130.559.239.217
D	NỢ PHẢI TRẢ					
D1	Nợ thực tế phải trả	64.694.476.448	54.785.805.895	9.909.455.457	64.695.261.352	784.904
D2	Nợ nội bộ giữa TCT và TT Dược Mỹ phẩm		(11.519.476.489)	11.519.476.489	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A-(D1+D2))	1.461.316.681.377	2.368.331.310.589	2.497.481.692	2.370.828.792.281	909.512.110.904

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại 31/12/2013

Chú thích:

Chi tiết xác định lại giá trị doanh nghiệp như sau:

Giá trị thực tế phần vốn góp nhà nước tại doanh nghiệp theo sổ kế toán là: 1.461.316.681.377 đồng.

Giá trị thực tế phần vốn góp nhà nước tại doanh nghiệp theo đánh giá lại là: 2.370.828.792.281 đồng.

Chênh lệch: 909.512.110.904 đồng.

Giá trị trên bao gồm giá trị tài sản nhận bàn giao của Tổng cục Dân số và KHHGD và giá trị cổ phiếu thưởng nhận được trong năm 2014 trước thời điểm tổ chức thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp 06/01/2015. Cụ thể:

- Theo công văn số 1276/BTC-QLCS của Bộ Tài chính ngày 27/1/2015 hướng dẫn cụ thể về việc hoán đổi trụ sở làm việc của Bộ Y tế và Tổng công ty Dược Việt Nam. Tổng công ty Dược Việt Nam nhận bàn giao nguyên trạng khuôn viên đất, nhà, công trình xây dựng và các tài sản khác gắn liền với đất tại cơ sở nhà đất số 12 Ngô Tất Tố, hạch toán tăng vốn tại Tổng công ty Dược Việt Nam tương ứng với giá trị còn lại của tài sản bàn giao được hạch toán, theo dõi trên sổ kế toán của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tại thời điểm bàn giao là 6.839.042.956 đồng, giá trị đánh giá lại tại thời điểm nhận bàn giao tính vào giá trị doanh nghiệp để

cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2013 là 9.718.395.084 đồng, chênh lệch tăng so với giá trị nhận tại thời điểm bàn giao là 2.879.352.128 đồng.

- Số lượng cổ phiếu thưởng nhận được trong năm 2014 trước thời điểm tổ chức thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp (06/01/2015) được điều chỉnh vào số liệu báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp gồm:

STT	Tên khoản đầu tư	Số lượng cổ phiếu nhận được trong năm 2014	Giá trị ghi tăng khoản đầu tư đã ghi nhận trong năm 2014 (VND)	Giá trị xác định lại tại thời điểm tổ chức thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp (VND)
1	Công ty CP Imexpharm	2.291.482	22.914.820.000	96.242.244.000
2	Công ty CP Dược phẩm OPC	1.187.550	11.875.500.000	26.662.917.706
3	Công ty CP Hóa Dược phẩm Mekophar	588.060	5.880.600.000	6.804.322.511
4	Công ty CP Dược liệu Trung Ương 2	420.000	4.200.000.000	45.720.675.000
	Tổng		44.870.920.000	175.430.159.217

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty tại 31/12/2013

Nguyên nhân tăng giảm sau khi đánh giá lại giá trị doanh nghiệp chủ yếu là do chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định và đầu tư dài hạn, trong đó tài sản cố định hữu hình tăng 8.304.803.550 tỷ đồng và giá trị các khoản đầu tư dài hạn được xác định lại bằng 1.547.437.113.397 đồng, tăng 867.109.534.959 đồng. Ngoài ra, lợi thế kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty Dược cũng được xác định lại là 34.279.568.258 đồng gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển, cũng là một trong những nguyên nhân làm tăng giá trị doanh nghiệp.

Những vấn đề cần xử lý sau cổ phần hóa

Tổng công ty tiếp tục đối chiếu, xác nhận các khoản phải thu, các khoản phải trả theo quy định và điều chỉnh các khoản chênh lệch (nếu có) cho phù hợp trước khi chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Đối với tài sản tại số 12 Ngô Tất Tố, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội được xác định lại và tính bổ sung vào giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Dược Việt Nam để cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2013 theo công văn số 1276/BTC-QLCS của Bộ Tài chính ngày 27/1/2015 hướng dẫn cụ thể về việc hoán đổi trụ sở làm việc của Bộ Y Tế và Tổng công ty Dược Việt Nam, Tổng công ty Dược Việt Nam đã nhận bàn giao nguyên trạng khuôn viên đất, nhà, công trình xây dựng và các tài sản khác gắn liền với đất tại cơ sở nhà đất số 12 Ngô Tất Tố, hạch toán tăng vốn nhà nước tại Tổng công ty Dược Việt Nam tương ứng với giá trị còn lại của tài sản bàn giao được hạch toán, theo dõi trên sổ kế toán của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tại thời điểm bàn giao là 6.839.042.956 đồng, giá trị xác định lại tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2013 là 9.718.395.084 đồng, chênh lệch tăng là 2.879.352.128 đồng.

Tài sản tại 138B Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội chờ bàn giao về Bộ Y tế tính vào giá trị doanh nghiệp của Tổng công ty Dược Việt Nam để cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2013 theo công văn số 1276/BTC-QLCS của Bộ Tài chính ngày 27/1/2015 hướng dẫn cụ thể về việc hoán đổi trụ sở làm việc của Bộ Y tế và Tổng công ty Dược Việt Nam và không thực hiện đánh giá lại theo hướng dẫn tại Công văn số 9006/BTC/TCĐN ngày 02/07/2015 của Bộ Tài Chính về xử lý vướng mắc khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Dược Việt Nam.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất của các đơn vị nhận vốn góp của Tổng công ty Dược Việt Nam. Tổng công ty tiếp tục xác định lại giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo quy định tại điểm a, khoản 4, điều 10 Thông tư 127/2014/TT-BTC.

Kết quả sản xuất kinh doanh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chuyển sang công ty cổ phần sẽ được điều chỉnh theo chế độ tài chính hiện hành đối với công ty nhà nước.

Tổng công ty tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến tài sản và quyền sử dụng đất.

Tổng công ty bàn giao cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam các khoản nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, các khoản nợ khó đòi đã được xử lý bằng nguồn dự phòng trong vòng 5 năm liền kề trước khi cổ phần hóa tại Tổng công ty và 3 công ty con thực hiện cổ phần hóa: Công ty TNHH một thành viên Dược Trung ương 3, Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm Trung ương 2, Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm Trung ương 1.

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin công ty cổ phần

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
- Tên tiếng Anh: VIETNAM PHARMACEUTICAL CORPORATION –JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM
- Tên viết tắt: Vinapharm
- Trụ sở: Số 12 Ngô Tất Tố, Phường Văn Miếu. Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 04.3844.3151/ 04.3844.3149
- Fax: 04.3844.3665
- Email: vinapharm@vinapharm.com.vn
- Website: vinapharm.com.vn
- Logo:



2. Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hóa, Tổng công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và chịu sự điều chỉnh Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của công ty cổ phần

3.1. Quyền hạn

- Được tiếp tục kế thừa các quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Dược Việt Nam chuyển sang.
- Tổng công ty có quyền tự chủ về quản lý sản xuất kinh doanh.
- Tổng công ty có các quyền về quản lý tài chính.

3.2. Nghĩa vụ

- Tổng công ty kế thừa các nghĩa vụ của Tổng công ty Dược Việt Nam chuyển sang.
- Tổng công ty có nghĩa vụ quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần và các quy định của pháp luật.

4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

a. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu: thuốc tân dược, thuốc từ dược liệu, vacxin, sinh phẩm y tế, mỹ phẩm, nguyên liệu sản xuất thuốc, tá dược, dược liệu, tinh dầu, hương liệu; hóa chất, hóa chất xét nghiệm và kiểm nghiệm; bao bì dùng trong dược phẩm; máy móc và thiết bị y tế; máy móc và thiết bị phục vụ sản xuất dược phẩm; các loại vật tư tiêu hao cho bệnh viện; dịch vụ bảo quản thuốc.
- Dịch vụ nghiên cứu tương đương sinh học; dịch vụ thử nghiệm lâm sàng và tiền lâm sàng; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng.

b. Ngành nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu: thực phẩm, thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, sản phẩm vệ sinh, chất diệt khuẩn, khử trùng dùng cho người; kính mắt, kính thuốc;
- Dịch vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y dược;
- Dịch vụ khám chữa bệnh;
- Điều dưỡng chăm sóc sức khỏe; giao nhận, vận chuyển hàng hóa; tin học; đào tạo nhân lực y dược.

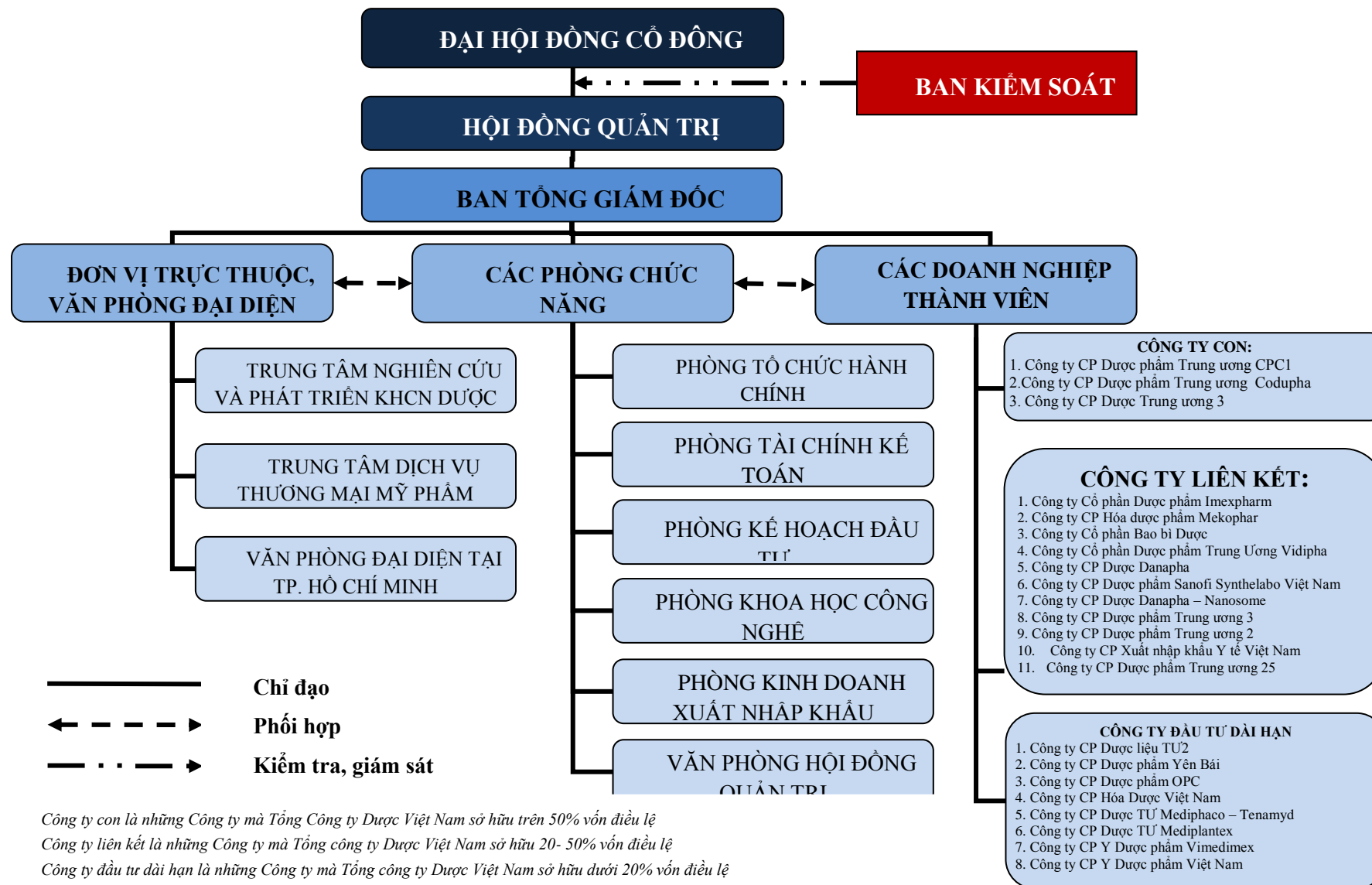
c. Ngành nghề kinh doanh khác

- Dịch vụ in ấn, quảng cáo, hội chợ, triển lãm, dịch vụ tổ chức sự kiện, hội thảo; kinh doanh bất động sản.
- Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

5. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty sau cổ phần hóa

Sau khi thực hiện cổ phần hóa, Tổng công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần sẽ có cơ cấu tổ chức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần gồm có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng chức năng, các đơn vị phụ thuộc và các doanh nghiệp thành viên (bao gồm các công ty con, công ty liên kết). Sơ đồ tổ chức Tổng công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần như sau:

Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty sau cổ phần hóa



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty từ 5 - 11 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty từ 3 - 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng công ty có các Phó Tổng Giám đốc.

Số lượng thành viên Ban Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

Các phòng chức năng

Phòng Tổ chức Hành chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện việc quản lý, điều hành Tổng công ty về các lĩnh vực: Tổ chức cán bộ; lao động tiền lương; đào tạo, thi đua khen thưởng; kỷ luật, pháp chế của Tổng công ty; Công tác văn thư, lưu trữ, hành chính, quản trị, bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ an toàn tài sản và công việc hậu cần của Tổng công ty.

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về lĩnh vực tài chính và kế toán theo đúng chế độ hiện hành của Nhà nước; Xây dựng kế hoạch Tài chính và cân đối nguồn tài chính đảm bảo có đủ nguồn vốn hợp lý cho mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty.

Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong việc xây dựng xây dựng chiến lược kinh doanh, xuất nhập khẩu dài hạn, ngắn hạn của Tổng công ty; Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh - xuất nhập khẩu và tiếp thị bán hàng của Tổng công ty.

Phòng Khoa học Công nghệ có chức năng tham mưu và giúp Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện chức năng quản lý, điều hành Tổng công ty về các lĩnh vực: Nghiên cứu Khoa học Công nghệ, đổi mới trang thiết bị, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Dược; Triển khai phát triển sản phẩm mới; đề xuất nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; Đảm bảo chất lượng - An toàn lao động; Sở hữu trí tuệ; Công nghệ thông tin, truyền thông, triển lãm.

Phòng Kế hoạch Đầu tư có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện việc quản lý, điều hành Tổng công ty về các lĩnh vực: Công tác kế hoạch (bao gồm kế hoạch Công ty mẹ - Tổng công ty dược Việt Nam, kế hoạch các đơn vị thành viên); Đầu tư tài chính (vào ngành nghề chính là kinh doanh, dược phẩm, trang thiết bị y tế, thực phẩm chức năng); Đầu tư xây dựng cơ bản: nhà máy, toà nhà văn phòng, trung tâm thương mại; Quản lý, cho thuê văn phòng làm việc, cửa hàng, kho bãi, nhà xưởng.

Văn phòng Hội đồng quản trị có chức năng giúp việc cho Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp; Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty; Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

Đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển KHCN Dược có chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; dịch vụ khoa học và công nghệ; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc (trong đó có đánh giá tương đương sinh học và sinh khả dụng của thuốc), thực phẩm, mỹ phẩm; dịch vụ thử thuốc trên lâm sàng.

Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm có chức năng kinh doanh, xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ và giới thiệu các sản phẩm thuốc chữa bệnh, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, phụ liệu, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm, kính thuốc, thực phẩm chức năng. Tổ chức quầy kê đơn, bốc thuốc đông y theo quy chế của Bộ Y tế.

Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan đại diện Tổng công ty tại phía Nam. Giúp Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc theo dõi hoạt động của các doanh nghiệp thành viên tại phía Nam.

Các doanh nghiệp thành viên: Sau cổ phần hóa Tổng công ty có 03 công ty con và 20 công ty liên kết.

Tổng công ty tiếp tục thoái vốn, giảm tỷ lệ phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp thành viên theo Đề án tái cơ cấu đã được Bộ Y tế phê duyệt.

6. Chiến lược phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2015 - 2020

6.1. Tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu

a. Tầm nhìn

Đến năm 2020, Tổng công ty Dược Việt Nam hoạt động theo công ty mô hình công ty cổ phần. tập trung đầu tư phát triển 5 lĩnh vực: i) Nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ (trong đó bao gồm nghiên cứu BA/BE); ii) Cung cấp dịch vụ làm thị trường (marketing). bán hàng; iii) Dịch vụ cho thuê kho bãi và logistics; iv) Đầu tư sản xuất thuốc công nghệ cao và v) Đầu tư sản xuất và cung ứng nguyên liệu, dược liệu, bao bì dược.

b. Sứ mệnh

- Đối với cộng đồng: Thực hiện những nhiệm vụ Bộ Y tế giao nhằm đảm bảo sản xuất, cung ứng thuốc và trang thiết bị y tế để chăm sóc sức khỏe của nhân dân.
- Đối với thị trường: Cam kết mang đến những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt nhất. có hàm lượng công nghệ cao nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng; là đối tác tin cậy với các bên liên quan trong lĩnh vực dược phẩm.
- Đối với các doanh nghiệp thành viên: Đề cao tinh thần hợp tác, cùng phát triển; cam kết là người đồng hành, cổ động năng động của doanh nghiệp.

c. Mục tiêu

Quản lý và sử dụng hiệu quả phần vốn của Tổng công ty; Đầu tư các dự án trong ngành Dược phù hợp với tiềm năng phát triển của Việt Nam nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông. nâng cao đời sống của cán bộ nhân viên và góp phần tích cực cho cộng đồng.

6.2. Hoạt động đầu tư của Tổng công ty

a. Hoạt động đầu tư

Trong giai đoạn 2016 – 2020; Tổng công ty tiếp tục quản lý vốn đầu tư tại công ty dược thành viên và đưa ra các giải pháp để phối hợp hoạt động hiệu quả giữa các đơn vị. Bên cạnh đó, Tổng công ty sẽ phát triển các dự án đầu tư trong ngành dược phù hợp với Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của Chính phủ; tập trung vào những lĩnh vực có nhiều tiềm năng phát triển của Việt Nam như nghiên cứu BA/BE, phát triển vùng dược liệu và sản xuất thuốc bằng công nghệ cao.

Các dự án đầu tư trong giai đoạn 2016 – 2020:

i. Trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ dược

Lĩnh vực nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D) nói chung và nghiên cứu lâm sàng, nghiên cứu BA/BE nói riêng chưa đáp ứng đủ nhu cầu của ngành Dược. Hiện chưa có tổ chức, công ty nào của Việt Nam thực hiện dịch vụ nghiên cứu lâm sàng. Trong khi đó, lĩnh vực nghiên cứu BA/BE mới chỉ có 3 đơn vị được Bộ Y tế cho phép tiến hành là Tổng công ty Dược Việt Nam. Viện kiểm nghiệm thuốc Trung Ương và Viện kiểm nghiệm thuốc thành phố Hồ Chí Minh. Vì việc thực hiện nghiên cứu BA/BE phải đầu tư lớn và mất rất nhiều thời gian để đào tạo nhân lực; do vậy dự án đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ dược của Tổng công ty là hết sức cần thiết.

Sau khi dự án hoàn thành và đi vào hoạt động sẽ đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ của ngành. thực hiện lộ trình nghiên cứu BA/BE trong đăng ký thuốc, đảm bảo hội nhập khu vực và quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng thuốc trong nước.

ii. Cơ sở khám chữa bệnh

Khi thực hiện thử thuốc trên người tình nguyện trong các hoạt động nghiên cứu BA/BE và nghiên cứu lâm sàng rất cần phải có cơ sở khám chữa bệnh. Mặt khác, thực hiện chính sách xã hội hóa về công tác khám chữa bệnh trước nhu cầu ngày càng tăng của người dân, Tổng công ty sẽ thực hiện đầu tư cơ sở khám chữa bệnh với mục đích: (1) khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người bệnh; (2) góp phần nâng cao thị phần dược phẩm của các doanh nghiệp sản xuất thuốc trong nước nói chung và các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty (3) phục vụ hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển khoa học công nghệ Dược.

iii. Vùng dược liệu và nhà máy chiết xuất dược liệu

Theo số liệu của Đề án “Quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu giai đoạn từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”, ở Việt Nam, hầu hết dân số sử dụng dược liệu phục vụ chăm sóc sức khỏe. Nhu cầu sử dụng dược liệu trong nước ngày càng tăng và các doanh nghiệp ngày càng tham gia nhiều vào lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ dược liệu chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Trong khi đó, dược liệu Việt Nam ngày càng cạn kiệt do khai thác quá mức, thiếu sự bảo tồn, nuôi trồng. Việc khai thác dược liệu ở nước ta hiện nay còn tự phát, chưa có định hướng phát triển nên dẫn đến sản lượng dược liệu không ổn định, giá cả biến động. Nguồn dược liệu trong nước chỉ đáp ứng khoảng 10-20% nhu cầu, còn lại phải nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc với chất lượng chưa đảm bảo.

Tổng công ty dự kiến sẽ đầu tư phát triển vùng dược liệu quy mô lớn (khoảng 30.000 ha) đạt tiêu chuẩn GACP và 01 nhà máy chiết xuất dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP.

Vùng dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP và nhà máy chiết xuất đạt tiêu chuẩn GMP sẽ tạo ra các nguyên liệu từ nguồn gốc tự nhiên được tiêu chuẩn hóa, góp phần khép kín chu trình sản xuất (từ nuôi trồng dược liệu, sơ chế, sản xuất nguyên liệu, bào chế) được chuẩn hóa nhằm tạo ra các sản phẩm ổn định, chất lượng cao.

Ngoài ra, Dự án sẽ góp phần bảo tồn, phát triển các nguồn gen dược liệu quý hiếm, phát triển các sản phẩm dược liệu mang thương hiệu quốc gia và tạo nhiều công ăn việc làm cho người dân.

iv. Nhà máy sản xuất nguyên liệu dược

Theo Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 10/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược Quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam phấn đấu sản xuất được 20% nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất dược trong nước.

Trong khi đó hiện nay, ngành dược Việt Nam mới chỉ đáp ứng được khoảng 10% nhu cầu nguyên liệu. Các nguyên liệu (vỏ nang, hóa dược) và tá dược đầu vào cho các nhà sản xuất trong nước chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài, nguồn nguyên liệu không thiếu tuy vậy, khi xuất khẩu sang Việt Nam có giá thành cao và doanh nghiệp nhập khẩu phải chịu nhiều ảnh hưởng từ biến động tỷ giá ngoại tệ. Khách hàng tiềm năng của dự án là các nhà máy sản xuất dược phẩm của các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty. Ngoài ra, Tổng công ty cũng sẽ hướng đến việc khai thác tiềm năng cung ứng nguyên liệu dược cho các nhà

máy sản xuất dược phẩm khác trên toàn quốc. Vì vậy đầu tư dự án nhà máy sản xuất nguyên liệu dược (vỏ nang, hóa dược...) là cần thiết.

Dự án sau khi hoàn thành sẽ góp phần cung cấp nguồn nguyên liệu cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước, thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển ngành Dược theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

v. Nhà máy sản xuất thuốc chuyên khoa, đặc trị

Quy mô sản xuất thuốc trong nước của Việt Nam chiếm 77% về số lượng nhưng chỉ chiếm 35% về giá trị. Sản xuất trong nước tập trung vào các nhóm thuốc cũ có giá trị thấp và công thức đơn giản. Thị phần của thuốc sản xuất trong nước tăng rất chậm và khó đạt được mục tiêu của Chính phủ là 80% vào năm 2020.

Hiện nay tại Việt Nam, các doanh nghiệp chủ yếu sản xuất thuốc generic, việc sản xuất thuốc chuyên khoa đặc trị vẫn còn hạn chế so với nhu cầu điều trị của nhân dân.

Chính vì vậy, Tổng công ty Dược Việt Nam sẽ đầu tư nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn GMP (PIC/S-GMP, EU-GMP) nhằm hợp tác với các đối tác để chuyển giao công nghệ, sản xuất nhượng quyền các thuốc gốc, còn trong thời hạn bảo hộ bản quyền, các thuốc chuyên khoa, đặc trị (thuốc điều trị tiểu đường, ung thư, tim mạch...).

Dự án sau khi hoàn thành sẽ góp phần tăng nguồn cung thuốc chuyên khoa, đặc trị, giảm bớt sự độc quyền của các nhà sản xuất nước ngoài, rút ngắn thời gian tiếp cận thuốc mới với người bệnh, giảm giá thành sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh và chữa, cho nhân dân với giá cả hợp lý, hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam”.

vi. Nhà máy sản xuất bao bì dược

Hiện ở Việt Nam mới có 01 nhà máy sản xuất bao bì dược đạt tiêu chuẩn GMP và mới đáp ứng một phần nhỏ nhu cầu sản xuất dược phẩm trong nước. Hầu hết các bao bì cấp 1 đều phải nhập khẩu. Vì vậy, Tổng công ty có thể triển khai ngay dự án này để khai thác thị trường trong nước.

Dự án sau khi hoàn thành, ngoài việc tạo công ăn việc làm cho người lao động còn đáp ứng nhu cầu bao bì dược được sản xuất theo tiêu chuẩn GMP cho các doanh nghiệp trong nước, góp phần thay thế dần nguồn bao bì nhập khẩu, bảo đảm lộ trình áp dụng tiêu chuẩn bao bì sạch của Bộ Y tế trong sản xuất dược phẩm, đặc biệt là bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc, đảm bảo sự ổn định của thuốc.

vii. Dịch vụ kho bãi và logistics

Tổng công ty và các đơn vị thành viên hiện đang thiếu một hệ thống phân phối dược đạt tiêu chuẩn chất lượng và có khả năng tương tác hoạt động giữa các đơn vị. Vì vậy dự án xây dựng hệ thống kho bãi và logistics là hết sức cần thiết cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Bên cạnh đó, dự án sẽ góp phần cung ứng kịp thời thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho nhân dân cũng như tham gia cung ứng thuốc cho các chương trình đấu thầu thuốc quốc gia và địa phương, cung cấp thuốc kịp thời cho các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh...

b. Kế hoạch đầu tư các dự án sau cổ phần hóa
Bảng 19 : Kế hoạch đầu tư các dự án sau cổ phần hóa giai đoạn 2016-2026

TT	Dự án	Tổng vốn đầu tư (Tỷ VNĐ)	Thời gian hoạt động của dự án (Năm)	Thời gian hoàn vốn (Năm)	NPV (Tỷ VNĐ)	IRR (%)	Nộp ngân sách Nhà nước (Tỷ VNĐ)
1	Trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ dược	100	30	9	46,0	13,9	119,0
2	Cơ sở khám chữa bệnh	100	30	8	24,4	12,8	99,0
3	Đầu tư vùng dược liệu quy mô 30.000 ha	1.000	50	11	100,8	10,7	1.876,8
4	Nhà máy chiết xuất dược liệu	400	30	9	58,5	11,7	364,8
5	Nhà máy sản xuất nguyên liệu dược	400	30	7	142,0	15,0	365,0
6	Nhà máy sản xuất thuốc chuyên khoa, đặc trị	400	30	8	74,3	12,5	216,0
7	Nhà máy sản xuất bao bì dược	300	30	6	342,0	21,5	609,0
8	Hệ thống kho bãi và logistics	225	30	7	129,0	15,9	148,0
9	Hoạt động kinh doanh trực tiếp	75	Vô thời hạn	-	-	-	-
	Tổng	3.000			917,1		3.797,6

Nguồn: Tổng công ty Dược Việt Nam

c. Các chỉ tiêu chính đến năm 2020
Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính đến năm 2020

Đơn vị: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	Năm				
	2016	2017	2018	2019	2020
1. Doanh thu					
Thu nhập từ đầu tư tài chính (cổ tức)	70	70	70	70	70
Doanh thu từ khai thác cho thuê văn phòng, kinh doanh BĐS	-	27,9	31,2	23,4	23,4
Doanh thu từ HTKD	30	20	10	-	-
Doanh thu từ BA/BE	8	12	14	16	16

Chỉ tiêu	Năm				
	2016	2017	2018	2019	2020
Doanh thu từ kinh doanh trực tiếp	150	200	250	300	350
Doanh thu từ các dự án đầu tư	-	-	-	800	1.100
Tổng doanh thu	258	329,9	375,2	1.209,4	1.559,4
2. Tổng chi phí	150,5	202,8	254,5	1.168,2	1.494,5
3. Lợi nhuận					
Lợi nhuận từ Đầu tư tài chính (cổ tức)	70	70	70	70	70
Lợi nhuận từ khai thác cho thuê văn phòng, kinh doanh BĐS	-	26,1	25,7	15,4	15,4
Lợi nhuận từ HTKD	30	20	10	-	-
Lợi nhuận từ BA/BE	-	1	2,5	4	4
Lợi nhuận từ kinh doanh trực tiếp	7,5	10	12,5	15	17,5
Lợi nhuận từ các dự án đầu tư	-	-	-	(63,2)	(42,0)
Tổng lợi nhuận trước thuế	107,5	127,1	120,7	41,2	64,9
Tổng lợi nhuận sau thuế	100,0	115,7	110,6	41,2	64,9
4. Tỷ lệ cổ tức	3%	4%	3%	2%	2%
5. Vốn điều lệ	2.370	2.370	2.370	2.370	2.370
6. Tổng số lao động	105	110	110	110	110
7. Tổng quỹ lương (triệu đồng)	11.970	12.936	13.200	13.398	13.596
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	9.500	9.800	10.000	10.150	10.300

Thuyết minh các chỉ tiêu tài chính:

Trong 3 năm đầu sau cổ phần hóa từ năm 2016 đến năm 2018, Tổng công ty tập trung các nguồn lực vào đầu tư xây dựng các dự án nên thu nhập từ hoạt động tài chính giảm, các dự án chưa đi vào hoạt động do đó lợi nhuận của Tổng công ty chưa cao.

Giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2020, các dự án mới hoàn thành đi vào hoạt động mặc dù đã có doanh thu nhưng chưa có lãi nên lợi nhuận của Tổng công ty giảm, kéo theo tỷ lệ cổ tức giảm từ 3% xuống 2%.

Từ năm 2021 trở đi khi các dự án đi vào hoạt động ổn định và có lãi, doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty dự kiến sẽ tăng trưởng bền vững, đồng thời tỷ lệ cổ tức cũng sẽ tăng lên.

Các giả định xây dựng các chỉ tiêu tài chính:

a. Thu nhập từ đầu tư tài chính (cổ tức) dự kiến 70 tỷ đồng, tương đương cổ tức trung bình 02 năm gần nhất (năm 2013 và 2014).

b. Doanh thu và lợi nhuận từ khai thác bất động sản: Bao gồm Dự án 178 Điện Biên Phủ (tại thành phố Hồ Chí Minh) và Dự án 60B Nguyễn Huy Tưởng (tại Hà Nội):

- Dự án tại 178 Điện Biên Phủ, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến hoàn thiện và đưa vào khai thác từ năm 2017 với doanh thu 5,4 tỷ đồng/năm, lợi nhuận 3,6 tỷ đồng/năm (theo dự án đã được HĐQT phê duyệt).

- Dự án 60B Nguyễn Huy Tưởng hoàn thiện và đưa vào khai thác từ năm 2018:

+ Năm 2017: Tạm thu 60% tiền bán 1.500 m² căn hộ (giá 25 triệu/m²), doanh thu dự kiến 22,5 tỷ đồng.

+ Năm 2018: Hoàn thành dự án; thu nốt 40% tiền bán 1.500 m² diện tích căn hộ, lợi nhuận dự kiến là 15 tỷ đồng, và cho thuê 60% diện tích 1.500m² sàn cho thuê văn phòng (giá 12 triệu/m²/năm), lợi nhuận dự kiến là 7 tỷ đồng.

+ Từ năm 2019 trở đi: Cho thuê toàn bộ 100% diện tích 1.500 m² sàn cho thuê văn phòng với giá 12 triệu/m²/năm, lợi nhuận dự kiến là 12 tỷ đồng.

- Doanh thu từ hợp tác kinh doanh với các đơn vị thành viên:

Trong ba năm từ năm 2016-2018 dự kiến hợp tác kinh doanh (tài trợ vốn cho các đối tác là các công ty thành viên để thực hiện các dự án kinh doanh) với số tiền lần lượt là 500 tỷ đồng, 335 tỷ đồng và 165 tỷ với lợi nhuận hợp tác kinh doanh là 6%/năm thì doanh thu từ hợp tác kinh doanh tương ứng là 30 tỷ đồng, 20 tỷ đồng và 10 tỷ đồng.

- Doanh thu từ BA/BE: dự kiến các năm từ 2017-2020, số hợp đồng tương ứng là 20, 30, 35, 40 hợp đồng; với giá trung bình 1 hợp đồng là 400 triệu đồng thì lợi nhuận dự kiến tương ứng lần lượt là 1 tỷ đồng, 2,5 tỷ đồng, 4 tỷ đồng, và 4 tỷ đồng.

- Tổng Doanh thu từ các dự án đầu tư:

+ Không có doanh thu trong 3 năm xây dựng.

+ Năm thứ nhất sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng Doanh thu dự kiến là 800 tỷ đồng. lỗ dự kiến 63,2 tỷ đồng.

+ Năm thứ hai sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng Doanh thu dự kiến là 1.100 tỷ đồng. lỗ dự kiến 42 tỷ đồng.

- Hoạt động kinh doanh:

+ Doanh thu: Năm 2016 là 150 tỷ đồng, mức tăng trưởng doanh thu 50 tỷ đồng/năm đến năm 2020.

+ Lợi nhuận hoạt động kinh doanh trực tiếp: 5%/doanh thu.

6.3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

a. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Quản lý hiệu quả phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty và các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty: Bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước.
- Nghiên cứu, tổ chức triển khai các dự án đầu tư trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2015 – 2020.
- Đầu tư xây dựng và khai thác có hiệu quả các dự án đầu tư xây dựng văn phòng, các khu đất của Tổng công ty.
- Hợp tác kinh doanh với các đối tác, tận dụng các lợi thế về vốn, vị trí, địa điểm kinh doanh của Tổng công ty.

- Nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp, mở rộng và khai thác hiệu quả dịch vụ BA/BE.
- Phát triển kinh doanh trực tiếp, mở rộng thị trường hàng hoá, thị trường OTC và ETC, phát triển kênh phân phối của Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên.

b. Giải pháp

Về Nhân sự

- Xây dựng các bộ tiêu chuẩn tổng thể cho từng vị trí công việc theo mục tiêu phát triển Tổng công ty, doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.
- Tuyển dụng các nhân sự có đủ kiến thức, kỹ năng và cam kết làm việc lâu dài cho Tổng công ty.
- Xây dựng và thực hiện quy chế thưởng, phạt cũng như kế hoạch phát triển cá nhân với nội dung chi tiết, rõ ràng với nhân viên (bao gồm cả Người đại diện phần vốn). Nhằm động viên, khuyến khích người lao động thực hiện các mục tiêu của từng cá nhân, bộ phận và của toàn Tổng công ty.
- Có chính sách khuyến khích tự đào tạo, đầu tư cho công tác đào tạo, đào tạo lại về kiến thức, kỹ năng cho từng cá nhân. Nhằm có được đội ngũ người lao động đáp ứng được sự thay đổi của thị trường và quá trình phát triển của Tổng công ty.

Về Sản phẩm và Thị trường

- Tìm kiếm, đánh giá các cơ hội hợp tác kinh doanh với các đối tác trong lĩnh vực Dược để hợp tác kinh doanh có hiệu quả.
- Tìm kiếm khách hàng trong và ngoài nước trên cơ sở dịch vụ tốt nhất, với chi phí hợp lý nhất góp phần xây dựng thương hiệu Tổng công ty.
- Triển khai kinh doanh trực tiếp tại Tổng công ty, phát triển sản phẩm, thị trường và kênh phân phối, thương hiệu của Tổng công ty.

Kinh doanh các sản phẩm:

- + Nguyên liệu và thành phẩm Dược.
- + Nguyên liệu và thành phẩm thực phẩm chức năng.
- + Trang thiết bị Y tế.

Về Tài chính

- Cân đối nguồn vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Tổng công ty, đồng thời tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển.
- Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính của Tổng công ty để có được tình hình tài chính lành mạnh, cân đối và sử dụng vốn vay để đầu tư một cách hiệu quả nhất.
- Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về tài chính, kế toán đối với các đơn vị trong Tổng công ty.

6.4. Tổ chức thực hiện

a. Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo chung trong việc thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty.
- Hàng năm giám sát, đánh giá chung kết quả thực hiện chiến lược.

b. Tổng Giám đốc

- Căn cứ vào bản chiến lược tổ chức lập kế hoạch trung và dài hạn, tổ chức phân công các bộ phận triển khai thực hiện.
- Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo từng năm, báo cáo Hội đồng quản trị.

c. Các Phó Tổng Giám đốc:

Tổ chức triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công.

d. Các Phòng, Trung tâm, Chi nhánh, Văn phòng đại diện

- Có trách nhiệm tổ chức xây dựng và thực hiện các nội dung được phân công phù hợp với chức năng nhiệm vụ của mình.
- Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ hàng năm báo cáo Phó Tổng Giám đốc phụ trách, Tổng Giám đốc.

6.5. Điều chỉnh chiến lược

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy cần thiết. Hội đồng quản trị xem xét, bổ sung, chỉnh sửa nội dung của Chiến lược phát triển cho phù hợp với tình hình thực tế.

7. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

7.1. Căn cứ xác định vốn điều lệ

Căn cứ Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013, giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty như sau:

- **Giá trị thực tế doanh nghiệp: 2.435.524.053.633 đồng** (Hai nghìn bốn trăm ba mươi lăm tỷ, năm trăm hai mươi bốn triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng).
- **Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 2.370.828.792.281 đồng** (Hai nghìn ba trăm bảy mươi tám tỷ, tám trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm tám mươi một đồng).

Trong đó, số dư Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp là **482.603.976.922 đồng** (Bốn trăm tám mươi hai tỷ, sáu trăm lẻ ba triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng).

Nhu cầu vốn của Tổng công ty bao gồm nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu vốn đầu tư sau cổ phần hóa nhằm triển khai chiến lược phát triển của Tổng công ty đến năm 2020.

7.2. Quy mô vốn điều lệ

Quy mô vốn điều lệ của Tổng công ty:

- Vốn điều lệ: 2.370.000.000.000 đồng (Hai nghìn ba trăm bảy mươi tám tỷ đồng).
- Số lượng cổ phần: 237.000.000 cổ phần.

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

7.3. Cơ cấu vốn điều lệ

Bảng 21: Cơ cấu vốn điều lệ của Tổng công ty sau cổ phần hóa

STT	Cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (VNĐ)
1	Cổ đông Nhà nước	65,000	154.050.000	1.540.500.000.000
2	Cổ đông là CBCNV (2.1+2.2)	0,04348	103.000	1.030.000.000
2.1	Cổ phần bán cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP	0,0404	95.700	957.000.000
2.2	Cổ phần đăng ký mua thêm theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP (2.2.1 + 2.2.2)	0,00308	7.300	73.000.000
2.2.1	<i>Mua thêm (200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc đối với mọi người lao động)</i>	0,00034	800	8.000.000
2.2.2	<i>Mua thêm (500 cổ phần/1 năm cam kết làm việc đối với người lao động chuyên môn cao, chuyên gia)</i>	0,00274	6.500	65.000.000
3	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	17,000	40.290.000	402.900.000.000
4	Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư trong nước	17,956	42.557.000	425.570.000.000
	Tổng cộng	100,000	237.000.000	2.370.000.000.000

Căn cứ theo quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BCT của Bộ Công thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thì doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối các mặt hàng thuốc theo quy định tại Khoản 2, Điều 2, Luật Dược số 34/2005/QH11 bao gồm chất hoặc hỗn hợp các chất dùng cho người nhằm mục đích phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh hoặc điều chỉnh chức năng sinh lý cơ thể bao gồm thuốc thành phẩm, nguyên liệu làm thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, trừ thực phẩm chức năng. Do đó, đối tượng tham gia đấu giá mua cổ phần của Tổng công ty không bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức nước ngoài.

8. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán

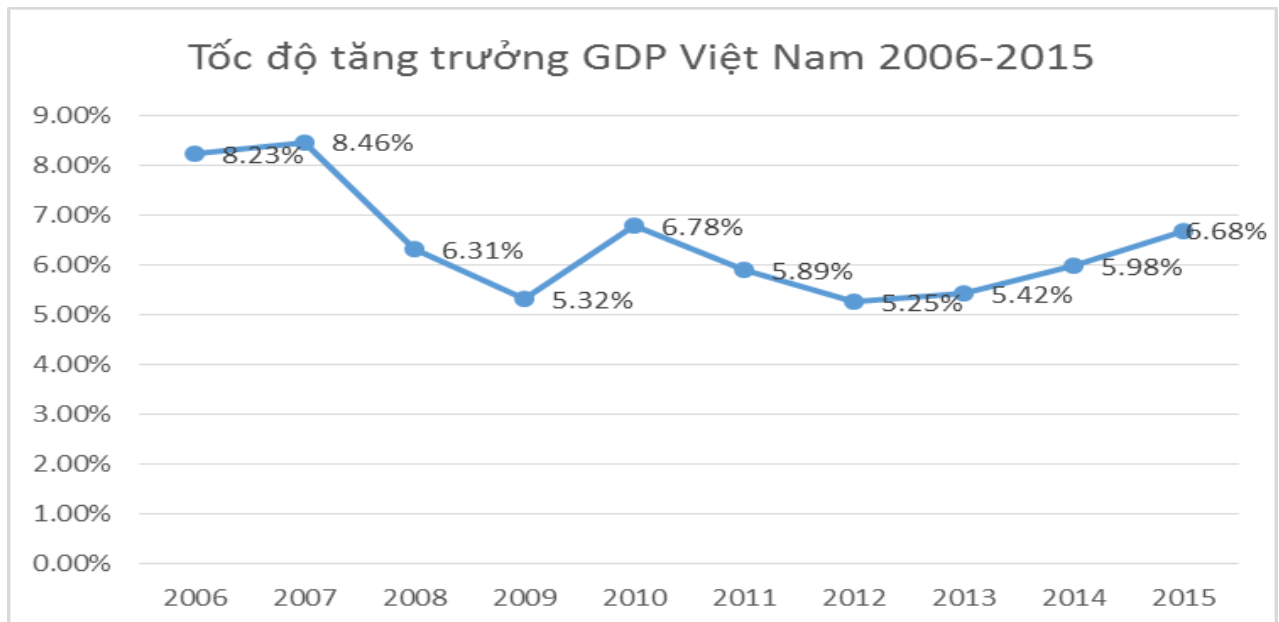
Tổng công ty sẽ hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch, niêm yết cổ phiếu tại các Sở giao dịch chứng khoán theo khoản 17, Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi bổ sung điều 56 nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012.

II. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Rủi ro về kinh tế

Các nhân tố kinh tế vĩ mô cơ bản bao gồm tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng lớn đến tất cả các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

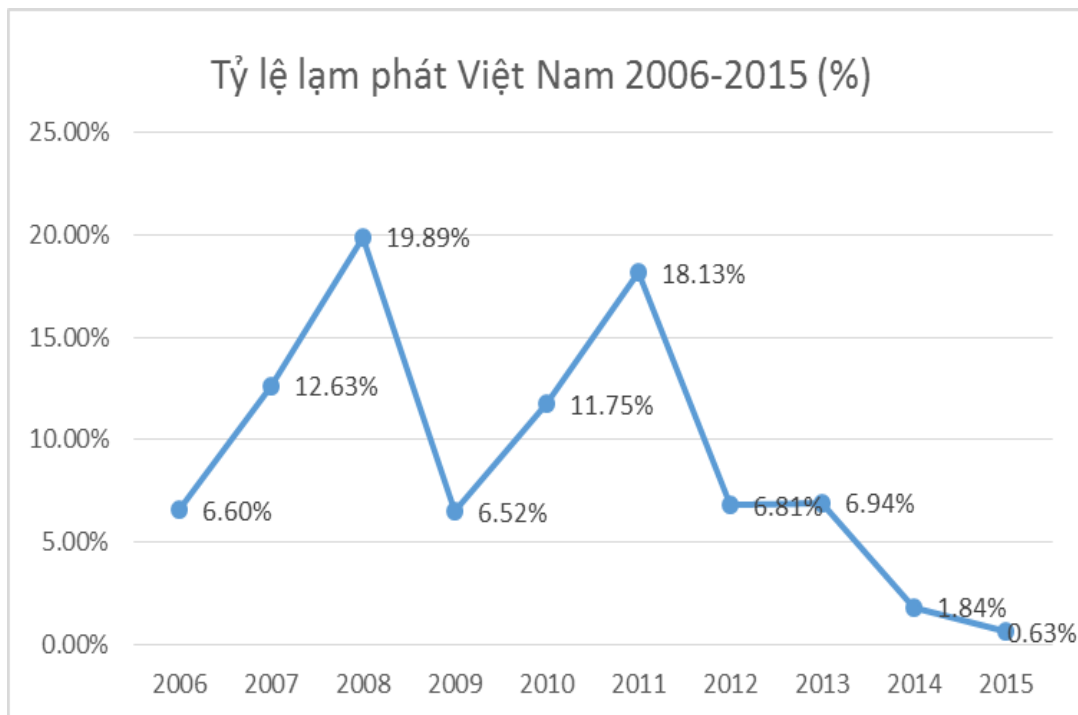


Nguồn: Tổng cục thống kê

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là nhân tố vĩ mô quan trọng hàng đầu. Tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế thể hiện quy mô sản xuất tăng và nhu cầu tiêu thụ cao của thị trường. Với đặc thù là ngành hàng thiết yếu, ngành dược có tính ổn định cao và ít chịu ảnh hưởng từ các biến động tăng trưởng kinh tế hơn các ngành hàng khác.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã có sự sụt giảm và biến động đáng kể trong giai đoạn 2008 – 2012 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng thị trường nhà đất tại Mỹ, khủng hoảng nợ công Châu Âu và sự lao dốc của thị trường bất động sản trong nước. Năm 2013 và 2014, GDP của Việt Nam tăng chậm nhưng có tính bền vững cao hơn nhờ các biện pháp kiềm chế lạm phát có hiệu quả và kết quả bước đầu của quá trình xử lý nợ xấu của các ngân hàng thương mại. Năm 2015, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6.68% và dự báo đạt mức 6.7% trong năm 2016. Với sự tăng trưởng ổn định của GDP, các doanh nghiệp nói chung và Tổng công ty nói riêng sẽ có tiềm năng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

Tỷ lệ lạm phát



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tỷ lệ lạm phát có ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động chi tiêu người tiêu dùng. Với các doanh nghiệp, lạm phát cao sẽ làm tăng chi phí đầu vào, giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Với người tiêu dùng, lạm phát cao sẽ làm giảm khả năng chi tiêu và buộc người tiêu dùng phải cắt giảm các khoản chi không thiết yếu. Chi tiêu giảm dẫn đến doanh thu của các doanh nghiệp cũng sụt giảm theo.

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đã có những biến động mạnh trong giai đoạn 2007 – 2011. Đặc biệt, tỷ lệ lạm phát năm 2008 và 2011 đã lên mức rất cao lần lượt là 19.89% và 18.13%. Nhờ các giải pháp đồng bộ của Chính Phủ và Ngân hàng Nhà nước, lạm phát trong giai đoạn 2012 – 2014 đã về mức ổn định. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2015 tăng 2.05% so với năm trước. Lạm phát ổn định tạo niềm tin để người tiêu dùng tăng chi tiêu cho hàng hóa dịch vụ nói chung và dược phẩm nói riêng.

Tình hình lạm phát ổn định là yếu tố thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và sẽ giúp cổ phần của Tổng công ty hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư.

Lãi suất

Đối với các doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro liên quan đến biến động lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại và công ty tài chính, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí lãi vay của doanh nghiệp. Lãi suất huy động kỳ hạn 1 năm trong năm 2015 hiện đang ở mức thấp từ 6 – 7%/năm đã tạo điều kiện để các ngân hàng đưa lãi suất cho vay về mức bình quân 10%/năm. Lãi suất cho vay thấp đã hỗ trợ đáng kể cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sử dụng tỷ lệ vốn vay lớn. Bên cạnh đó,

yếu tố lãi suất ảnh hưởng đến chi phí vốn của các nhà đầu tư. Với lãi suất thấp trong giai đoạn hiện nay, chi phí vốn cho hoạt động đầu tư đã giảm xuống đáng kể.

Nhìn chung, yếu tố lãi suất ảnh hưởng đến cả các doanh nghiệp và các nhà đầu tư. Mức lãi suất thấp hiện nay là tác động tích cực đến hoạt động chào bán cổ phần của Tổng công ty.

Tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ nói chung và các doanh nghiệp dược nói riêng, Việt Nam vẫn đang phải nhập khẩu thuốc tân dược và nguyên liệu sản xuất. Vì vậy tỷ giá biến động sẽ có ảnh hưởng lớn giá vốn hàng bán và lợi nhuận của các đơn vị thành viên của Tổng công ty.

Giai đoạn 2012 – 2014, nhờ định hướng điều hành tỷ giá trong biên độ và các biện pháp quản lý chặt chẽ hoạt động mua bán ngoại tệ, tỷ giá trong nước đã được duy trì ổn định. Tuy nhiên, trong tháng 8/2015 do ảnh hưởng từ việc Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ 4.4% kéo theo hành động phá giá đồng nội tệ của một loạt các nước như Malaysia, Thái Lan, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã phải thực hiện điều chỉnh tăng tỷ giá 1% và nới biên độ từ 1% lên 3% để bảo vệ hoạt động xuất khẩu và hạn chế nhập siêu. Việc tỷ giá tăng có những ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động của Tổng công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Sau khi thực hiện cổ phần hóa, Tổng công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Mặt khác, là doanh nghiệp hoạt động trong ngành dược Tổng công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật đặc thù bao gồm Luật Dược, Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Sở hữu trí tuệ ... Hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nên bất kể sự thay đổi nào về mặt chính sách pháp luật đều có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro cạnh tranh

Đến năm 2015, Việt Nam có gần 2.000 doanh nghiệp dược, trong đó 159 doanh nghiệp sản xuất có dây chuyền đạt GMP. Không chỉ cạnh tranh với các doanh nghiệp dược trong nước, Tổng công ty còn đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp dược nước ngoài đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào cộng đồng kinh tế khu vực và thế giới.

Rủi ro biến động giá nguyên liệu

Gần 90% nguyên vật liệu phục vụ sản xuất dược phải nhập khẩu, chủ yếu từ thị trường Trung Quốc và Ấn Độ. Những biến động giá nguyên vật liệu sẽ có ảnh hưởng to lớn đến chi phí sản xuất của các công ty thành viên của Tổng công ty. Vì vậy yếu tố trên có tác động tiêu cực nhất định đến hiệu quả chào bán cổ phần của Tổng công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần của Tổng công ty có những yếu tố thuận lợi như GDP tăng trưởng ổn định, lạm phát thấp, lãi suất thấp, tuy nhiên cũng có những yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến đợt chào bán như biến động tỷ giá, hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh, cạnh tranh gay gắt và biến động giá nguyên liệu, biến động của thị trường chứng khoán. Vì vậy, có rủi ro các nhà đầu tư không đặt mua hết số lượng cổ phần mà Tổng công ty dự kiến chào bán.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như tình hình hoạt động chung của Tổng công ty. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng có thể gây ra những thiệt hại về tài sản, thị trường, con người và do đó sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

III. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán

1.1. Phương thức bán đối với người lao động

a. Mục tiêu chào bán

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho người lao động được thực hiện theo chính sách của Nhà nước nhằm gắn kết người lao động với Tổng công ty, ghi nhận những đóng góp của họ và tạo động lực để họ tiếp tục gắn bó lâu dài với Tổng công ty.

b. Quy mô chào bán

Số lượng cổ phần Tổng công ty bán ưu đãi cho người lao động là: 103.000 cổ phần, tương ứng với 0.0435% vốn điều lệ của Tổng công ty sau cổ phần hóa. Bao gồm:

*** Cổ phần chào bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước:**

Cổ phần được ưu đãi giảm giá bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 được thực hiện tại Tổng công ty.

- Tổng số người lao động trong danh sách lao động của Công ty tại thời điểm ngày 04/9/2015: 101 người.
- Tổng số người được mua cổ phần giá ưu đãi: 96 người;
- Tổng số người đăng ký mua cổ phần giá ưu đãi: 96 người.
- Tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi theo chế độ quy định: 957 năm.
- Số cổ phần giá ưu đãi của 96 người đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước: 95.700 cổ phần.

- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược. Tổng công ty sẽ tiến hành bán cổ phần cho người lao động.
- Giá bán: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược.

*** Cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP được thực hiện tại Tổng công ty theo danh sách đã được Hội nghị người lao động bất thường thông qua.**

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa. thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.
- Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.
- Tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi có trình độ nghiệp vụ cao đã được Hội nghị người lao động bất thường thông qua:
 - ✓ Về điều kiện: người lao động không quá 57 tuổi đối với nam, 52 tuổi đối với nữ.
 - ✓ Về tiêu chuẩn: Có trình độ đào tạo từ Đại học trở lên;
- Tổng số lao động của Công ty có trong danh sách tại thời điểm ngày 04/9/2015 thuộc đối tượng chuyển sang làm việc tiếp tại công ty cổ phần là 101 người, trong đó có 99 người đủ điều kiện mua thêm cổ phần theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho Tổng công ty.
- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 200 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: **01** người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: **800** cổ phần.
- Tổng số người tham gia đăng ký mua thêm cổ phần theo mức 500 cổ phần/1 năm cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp là: **02** người; Số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn này: **6.500** cổ phần.

- Giá bán: Theo quy định tại Khoản 2b Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược.
- Thời gian bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, Tổng công ty sẽ tiến hành bán cổ phần cho người lao động.
- Số cổ phần bán cho CBCNV trong trường hợp này sẽ hết hạn chế chuyên nhượng sau khi kết thúc thời gian cam kết.

1.2. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

a. Mục đích lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Tổng công ty Dược Việt Nam là Công ty mẹ hoạt động trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, Tổng công ty có 05 Công ty con và 18 Công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, phân phối, xuất nhập khẩu dược, trải dài trên địa bàn cả nước.

Sau khi cổ phần hóa, Tổng công ty tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực dược và các lĩnh vực liên quan đến ngành dược. Do vậy, Tổng công ty lựa chọn nhà đầu tư chiến lược có năng lực tài chính, cam kết gắn bó lâu dài với Tổng công ty và có khả năng hỗ trợ Tổng công ty trong các lĩnh vực:

- Nâng cao phương thức quản trị và hiệu quả quản lý doanh nghiệp.
- Nâng cao năng lực tài chính.
- Xây dựng, thực hiện chiến lược phát triển và danh mục đầu tư của Tổng công ty.
- Mở rộng và phát triển thị trường, sản phẩm

b. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

1. Không phải nhà đầu tư nước ngoài.
2. Có thời gian hoạt động tối thiểu 10 năm.
3. Là nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực Y Dược hoặc có hoạt động đầu tư vào lĩnh vực Y Dược (Sản xuất, kinh doanh thuốc, nguyên liệu thuốc, dược liệu, thiết bị y tế, khám chữa bệnh...) hoặc hoạt động trong lĩnh vực tài chính.
4. Là nhà đầu tư có năng lực tài chính, thể hiện ở những điểm sau:
 - + Có vốn điều lệ tối thiểu 800 tỷ đồng.
 - + Có vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 lớn hơn vốn điều lệ.
 - + Hoạt động kinh doanh có lãi trong các năm 2012, 2013, và 2014.
5. Có cam kết bằng văn bản về việc mua hết số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược.

6. Không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo mô hình cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.
7. Có cam kết bằng văn bản về việc gắn bó lợi ích lâu dài với Tổng công ty, giúp Tổng công ty tăng cường phương thức quản trị, quản lý doanh nghiệp, công nghệ, thị trường.
8. Các tiêu chí ưu tiên khác:

+ Ưu tiên Nhà đầu tư có khả năng và có cam kết bằng văn bản về việc hỗ trợ Tổng công ty xây dựng, thực hiện chiến lược và phát triển việc đầu tư nhà máy, sản phẩm mới, bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh nhằm hoàn chỉnh chuỗi giá trị trong ngành Dược.

+ Có cam kết không thực hiện các giao dịch nào dẫn đến xung đột lợi ích và tạo ra sự độc quyền hoặc cạnh tranh không lành mạnh với Tổng công ty, khách hàng, nhà đầu tư khác của Tổng công ty.

Ghi chú: Theo quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BCT của Bộ Công thương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối các mặt hàng thuốc quy định tại Luật Dược. Mặt khác, do tổng số cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty Dược Việt Nam chỉ chiếm 17% vốn điều lệ, do vậy nhà đầu tư muốn tham gia làm Nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty phải cam kết mua hết số cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược để đảm bảo có nhân sự trong Hội đồng quản trị, qua đó giúp Tổng công ty Dược Việt Nam trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

c. Danh sách nhà đầu tư chiến lược

Thực hiện Quyết định số 2088/QĐ-TTg ngày 26/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam; Quyết định số 189/QĐ-BYT ngày 20/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phương thức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam, Ngày 25/01/2016, Tổng công ty Dược Việt Nam đã đăng thông tin mời Nhà đầu tư chiến lược công khai, minh bạch trên website của Tổng công ty và 03 đầu báo (Báo Nhân dân, Báo Hà Nội mới, Báo đầu tư), mỗi đầu báo trong 03 số liên tiếp, thời gian nhận hồ sơ đến 16h00 ngày 16/02/2016. Đến thời điểm 16h00 ngày 16/02/2016, Tổng công ty Dược Việt Nam chỉ nhận được 01 bộ hồ sơ đăng ký tham gia của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Việt Phương.

Căn cứ Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần; Quyết định số 189/QĐ-BYT ngày 20/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phương thức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam, do chỉ có 01 Nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia nên phương thức bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược là ***thỏa thuận trực tiếp trước khi bán đấu giá công khai.***

Ban chỉ đạo cổ phần hóa đã thực hiện thỏa thuận, đàm phán giá bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược theo quy định.

Ngày 06/5/2016, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 1677/QĐ-BYT về việc phê duyệt danh sách nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần lần đầu của Tổng công ty Dược Việt Nam Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khi cổ phần hóa doanh nghiệp

Một số thông tin về Nhà đầu tư chiến lược và cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược:

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương
- Địa chỉ: 22 Tổng Duy Tân, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Mã số doanh nghiệp: 0100237852
- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2014: 856.000.000.000 đồng. Ngày 20/7/2015, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên thành 1.400.000.000.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014: 860.967.297.250 đồng
- Số lượng cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược: 40.290.000 cổ phần (tương đương 17% vốn điều lệ của Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP)
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/01 cổ phần
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 402.900.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm linh hai tỷ chín trăm triệu đồng).
- Giá bán: 10.000 đồng/01 cổ phần
- Tổng giá trị: 402.900.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm linh hai tỷ chín trăm triệu đồng).
- Hạn chế chuyển nhượng: Không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

1.3. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường

Số cổ phần bán đấu giá sẽ được bán cho các nhà đầu tư theo hình thức bán đấu giá ra công chúng thông qua Sở giao dịch chứng khoán. Cụ thể như sau:

- Số cổ phần tổ chức bán đấu giá cho các nhà đầu tư: 42.557.000 cổ phần, tương đương 17.95% vốn điều lệ của Tổng công ty.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong nước. Đợt chào bán không có sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài. Căn cứ theo quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BCT của Bộ Công thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thì doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối các mặt hàng thuốc theo quy định tại Khoản 2. Điều 2. Luật Dược số 34/2005/QH11 bao gồm chất hoặc hỗn hợp các chất dùng cho người nhằm mục đích phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh hoặc điều chỉnh chức năng sinh lý cơ thể bao gồm thuốc thành phẩm, nguyên liệu làm thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, trừ thực phẩm chức năng. Do đó đối tượng tham gia đấu giá mua

cổ phần của Tổng công ty không bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức nước ngoài.

Giá khởi điểm

Theo Quyết định số 189/QĐ-BYT ngày 20/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Dược Việt Nam là **10.000 đồng/cổ phần**.

Thời gian bán cổ phần: Dự kiến tháng 6/2016 (Chi tiết tại Quy chế bán đấu giá cổ phần do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành)

Cơ quan bán đấu giá cổ phần

Theo Quyết định số 189/QĐ-BYT ngày 20/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, toàn bộ cổ phần bán đấu giá lần đầu ra công chúng (42.557.000 cổ phần) được tổ chức bán tại **Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội** - số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- **Đối với cổ phần bán đấu giá công khai:** Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định chi tiết tại “Quy chế đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Dược Việt Nam”.
- **Đối với cổ phần chào bán cho người lao động:** Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần sẽ theo quy định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng công ty Dược Việt Nam.
- **Đối với cổ phần chào bán cho Nhà đầu tư chiến lược:** Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần sẽ theo quy định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng công ty Dược Việt Nam.

3. Phương án xử lý số lượng cổ phần không bán hết

Xử lý theo quy định tại điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ có quy định chi tiết về việc xử lý số lượng cổ phần không bán hết khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần .

4. Trường hợp cuộc đấu giá cổ phần không thành công

Trường hợp cuộc đấu giá cổ phần không thành công, Tổng công ty sẽ thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

1. Chi phí cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 3097/QĐ-BYT ngày 27/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Tổng công ty Dược Việt Nam Công ty TNHH một thành viên; theo đó dự toán chi phí cổ phần hóa của Tổng công ty là: **1.564.500.000 đồng**

Bảng 22: Tổng dự toán chi phí cổ phần hóa
Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	692.000.000	44,23
1	Chi hợp phổ biến chương trình cổ phần hóa	12.000.000	0,77
2	Chi phí thẩm định, xử lý kết quả kiểm kê, phân loại tài sản, đối chiếu công nợ	20.000.000	1,28
3	Chi phí tổ chức hội nghị người lao động để triển khai cổ phần hóa	16.000.000	1,02
4	Chi phí bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng	410.000.000	26,21
5	Chi phí tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu	160.000.000	10,23
6	Chi phí quyết toán công tác cổ phần hóa: kiểm kê, đối chiếu....	30.000.000	1,92
7	Chi phí Hội nghị bàn giao DNNN sang Công ty cổ phần	44.000.000	2,81
II	Chi phí tư vấn	470.000.000	30,04
III	Thù lao cho Ban chỉ đạo CPH và Tổ giúp việc	352.500.000	22,53
IV	Chi phí khác có liên quan	50.000.000	3,20
	Tổng cộng	1.564.500.000	100,00

2. Số tiền thu được từ bán phần vốn Nhà nước

Do chưa tổ chức bán đấu giá, chưa xác định được giá đấu thành công và giá đấu thành công thấp nhất nên Tổng công ty tạm tính số tiền thu được từ cổ phần hóa theo phương án giả định tất cả số lượng cổ phần bán ra được mua với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

Bảng 23: Dự kiến số tiền thu được từ bán phần vốn Nhà nước
Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số tiền
1	Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp	2.370.828.792.281
2	Các khoản tiền thu từ cổ phần hóa	829.117.200.000
2.1	Thu từ bán cổ phần cho người lao động	
2.1.1	<i>Bán giá ưu đãi theo thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước (60% giá bán cho NĐT chiến lược)</i>	574.200.000
2.1.2	<i>Bán theo cam kết làm việc lâu dài (bằng giá bán cho NĐT chiến lược)</i>	73.000.000
2.2	Thu từ bán đấu giá cổ phần	425.570.000.000
2.3	Bán cho nhà đầu tư chiến lược	402.900.000.000
3	Giá trị cổ phần bán cho người lao động, bán đấu giá và bán cho nhà đầu tư chiến lược theo mệnh giá	829.500.000.000
3.1	Giá trị cổ phần bán cho người lao động theo mệnh giá	

STT	Nội dung	Số tiền
3.1.1	Bán giá ưu đãi theo thâm niên	957.000.000
3.1.2	Bán theo cam kết làm việc lâu dài	73.000.000
3.2	Giá trị cổ phần bán đấu giá theo mệnh giá	425.570.000.000
3.3	Giá trị cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược theo mệnh giá	402.900.000.000
4	Vốn Nhà nước tham gia theo phương án cổ phần hóa	1.540.500.000.000
5	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	1.564.500.000
6	Chi phí giải quyết cho lao động dôi dư	0
7	Số tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước còn lại sau khi trừ đi các khoản chi theo quy định (1+2-3-4-5-6)	828.381.492.281

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

PHẦN III: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông Phạm Lê Tuấn	Chức vụ: Thứ trưởng Bộ Y tế, Trưởng Ban chỉ đạo Cổ phần hóa
Ông Nguyễn Quý Sơn	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Dược Việt Nam, Phó Trưởng Ban
Ông Trần Viết Hùng	Chức vụ: Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Y tế, Thành viên
Ông Lê Thành Công	Chức vụ: Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Bộ Y tế, Thành viên
Ông Nguyễn Đức Sơn	Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng công ty Dược Việt Nam, Thành viên
Ông Nguyễn Tất Đạt	Chức vụ: Phó Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế, Thành viên
Bà Quách Thị Thu	Chức vụ: Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 4, Cục Tài chính Doanh nghiệp, Bộ Tài chính, Thành viên

2. Tổng công ty Dược Việt Nam

Ông Nguyễn Quý Sơn	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông Nguyễn Đức Sơn	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hằng	Chức vụ: Kế toán trưởng

Những người có tên nêu trên bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng công ty Dược Việt Nam trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

Ông Nguyễn Hải Dương	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
-----------------------------	-------------------------------------

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng công ty Dược Việt Nam.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc xây dựng và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Dược Việt Nam cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ đúng trình tự bắt buộc của pháp luật nhưng không bao hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

PHẦN IV: KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin này được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng công ty Dược Việt Nam trước khi đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần.

Bản công bố thông tin này được lập trên cơ sở thông tin và số liệu do Tổng công ty Dược Việt Nam cung cấp và phương án cổ phần hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo Bản công bố thông tin này cùng Quy chế đấu giá cổ phần do Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Tổng công ty Dược Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2016

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM**

PHÓ TRƯỞNG BAN

NGUYỄN QUÝ SƠN

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM**

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG


NGUYỄN ĐỨC SƠN



NGUYỄN THỊ HẰNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
CHỦ TỊCH HĐQT**


NGUYỄN HẢI DƯƠNG